

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN FECON**

Số: 0529/CBTT.FCM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – Hạnh phúc**

-----*****-----
Hà Nam, ngày 29 tháng 5 năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TP. HCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh;

Công ty: **Công ty cổ phần khoáng sản FECON**

Mã chứng khoán: **FCM**

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226 3533038

Fax: 0226 3533897

Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hữu Thiều- người được ủy quyền công bố thông tin

Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức hành chính

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Điện thoại (cơ quan): 0226 3533 038

Loại thông tin công bố: định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố: Thông tin về họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và dự thảo tài liệu trình ĐHĐCĐ phê duyệt, bao gồm:

+ Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 (Kèm theo Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự, đăng ký xe tham dự họp ĐHĐCĐ)

+ Nghị quyết thông qua nội dung tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

+ Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 (Đính kèm các Báo cáo, Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ).

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/5/2020 tại đường dẫn: <http://feconmining.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm:

+ Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
(Kèm theo Giấy xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự, đăng ký xe tham dự họp ĐHĐCĐ)

+ Nghị quyết thông qua nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

+ Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
(Đính kèm các Báo cáo, Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ).

**Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền công bố thông tin**



Nguyễn Hữu Thiều

NGHỊ QUYẾT

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON;

Căn cứ Biên bản họp HĐQT Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các báo cáo (kèm theo) để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt, bao gồm:

- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019, kế hoạch hoạt động năm 2020.
- Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019, kế hoạch hoạt động năm 2020;
- Báo cáo của thành viên HĐQT độc lập năm 2019
- Báo cáo hoạt động của BKS năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020;

Điều 2. Thông qua các tờ trình (kèm theo) để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phê duyệt, bao gồm:

- Tờ trình báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;
- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2019;
- Tờ trình Chi tiêu kế hoạch SXKD và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020;
- Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2019 và dự kiến phân phối thù lao năm 2020;
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020;

Điều 3. Giao Ban điều hành công ty tiến hành công bố tài liệu trình ĐHCĐ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 4. Nghị Quyết có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông, bà thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc Công ty CP Khoáng sản FECON chịu trách nhiệm thi hành Nghị Quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VP.



Hà Thế Phương

Hà Nam, ngày 22 tháng 5 năm 2020

THƯ MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

FCM001

Kính gửi Quý cổ đông:
Mã số cổ đông: FCM001
Địa chỉ:
Điện thoại:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Trân trọng kính mời :
Số Đăng ký sở hữu :
Số lượng cổ phần sở hữu :

Đến dự ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020

- Thời gian:** 08 giờ 30 phút, Thứ Sáu, ngày 12 tháng 6 năm 2020.
- Địa điểm:** Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam
- Điều kiện tham dự đại hội:**
 - Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phiếu Công ty cổ phần Khoáng sản FECON (FCM) có tên trong Danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập, được chốt vào ngày đăng ký cuối cùng 18/5/2020.
 - Các cổ đông không thể đến dự Đại hội có thể ủy quyền cho người khác tham dự. Người nhận ủy quyền không thể ủy quyền cho người thứ ba.
- Chương trình họp và tài liệu Đại hội được đăng tải theo quy định trên website của Công ty tại địa chỉ: www.feconmining.com.vn.
- Để tạo điều kiện Quý vị cổ đông tham dự họp, Công ty chúng tôi bố trí xe ô tô đưa đón Quý cổ đông từ tòa nhà CEO đến Công ty và ngược lại. Quý cổ đông có nhu cầu đi lại bằng phương tiện do công ty bố trí đề nghị đăng ký theo mẫu gửi kèm, lịch trình cụ thể như sau:
 - Thời gian xuất phát:** 6h40 ngày 12/6/2020 tại tòa nhà CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội.
 - Chiều về:** Dự kiến xe quay về đến Tòa nhà CEO vào hồi 15h30 ngày 12/6/2020.
- Mọi chi tiết liên quan đến Đại hội, Quý cổ đông vui lòng liên hệ:

Công ty cổ phần Khoáng Sản FECON

Địa chỉ: cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Thư ký HĐQT: Nguyễn Hữu Thiệu

Điện thoại: 0226.3533 038 (số máy lẻ: 122);

Email: thieu.nguyenhuu@phanvu.com

Để thuận tiện cho việc tổ chức Đại hội, đề nghị Quý cổ đông vui lòng gọi điện xác nhận tham dự hoặc gửi trực tiếp xác nhận tham dự/ ủy quyền tham dự, qua đường bưu điện đến Công ty cổ phần khoáng sản FECON trước 12h00 ngày 09/6/2020.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý vị cổ đông!

Lưu ý:

Cổ đông tham dự Đại hội vui lòng mang theo các Giấy tờ sau:

- Thư mời họp;
- CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN của cổ đông (trường hợp trực tiếp tham dự);
- Giấy ủy quyền và Bản sao CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN của cổ đông và người được ủy quyền (trường hợp tham dự theo ủy quyền).



Hà Thế Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ**

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

A. Thông tin cổ đông:

Tên cổ đông:.....
CMND/GPĐKKD số:..... Cấp ngày..... tại.....
Địa chỉ thường trú/Trụ sở:.....
Điện thoại.....
Số cổ phần sở hữu:..... Cổ phần
(Bằng chữ:.....)

1. Xác nhận tham dự Đại hội (Đánh dấu “X” vào ô bên):

2. Ủy quyền tham dự Đại hội (Đánh dấu “X” vào ô bên):

B. Người được ủy quyền tham dự Đại hội: Cổ đông chọn một trong hai cách sau:

Cách 1: Ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội

Họ tên:.....
CMND/GPĐKKD số:..... Cấp ngày..... tại.....
Địa chỉ thường trú/Trụ sở:.....
Điện thoại.....

Cách 2. Ủy quyền cho một trong các thành viên của Hội Đồng Quản Trị “HĐQT”, Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON: Đánh dấu “X” vào một trong các ô sau:

- Ông Hà Thế Phương – Chủ tịch HĐQT (CMND/CCCD số: 036054001342);
 Ông Trần Vũ Anh Tuấn – Thành viên HĐQT (CMND/CCCD số: 023466331);
 Ông Phạm Trung Thành – Giám đốc công ty (CMND/CCCD số: 162131937);

Nội dung ủy quyền:

- Số cổ phần sở hữu:..... Cổ phần
(Bằng chữ:.....)
- Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này./.

....., ngày.....tháng.....năm 2020

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú: Trường hợp Cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự ĐHĐCĐ thì ghi rõ thông tin ở mục B.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON (Của nhóm cổ đông)

Kính gửi: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON cùng nhau nắm giữ.....cổ phiếu, có tên trong danh sách dưới đây:

Họ tên	Số CMND/ GP ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu	Ký tên/đóng dấu
Tổng số CP				

Cùng nhất trí ủy quyền cho:

Ông (bà):.....

CMNDsố:.....Ngày cấp.....Nơi cấp.....

Địa chỉ thường trú:.....

Được thay mặt cho chúng tôi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và biểu quyết tất cả các vấn đề có liên quan tương ứng với số cổ phần do chúng tôi sở hữu.

Chúng tôi cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện ủy quyền này./.

....., ngày.....tháng.....năm 2020

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



**ĐĂNG KÝ XE THAM DỰ HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

Tên tôi là :

CMND/ĐKKD số : Số ĐT liên hệ:

Người ủy quyền :CMND/ĐKKD số:

(trường hợp nhận UQ)

Địa chỉ :

Đăng ký sử dụng xe đưa đón của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON tại điểm xuất phát từ 6h40' ngày 12/6/2020 tại Tòa nhà CEO, lô HH2-1, KĐT Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Chiều về: Dự kiến xe quay về đến Tòa nhà CEO vào 15h30 ngày 12/6/2020

....., ngày.....tháng.....năm 2020

NGƯỜI ĐĂNG KÝ XE

(Ký và ghi rõ họ tên)

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**



PHIẾU BIỂU QUYẾT

Họ tên cổ đông:

Mã cổ đông:

Số cổ phần nắm giữ:



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2020**

Hà Nam, tháng .../2020

**DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

STT	Nội dung	Tổng số trang
1	Chương trình nghị sự	1
2	Quy chế tổ chức Đại hội	4
3	Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội	2
4	Báo cáo kết quả HĐ SXKD năm 2019, kế hoạch 2020	4
5	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019, kế hoạch hoạt động năm 2020	8
6	Báo cáo của thành viên độc lập HĐQT	3
7	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2019, Kế hoạch hoạt động năm 2020	8
8	Tờ trình BCTC năm 2019 đã kiểm toán	1
9	Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2019	1
10	Tờ trình kế hoạch SXKD và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	1
11	Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2019; dự kiến mức phân phối thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2020	2
13	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020	1
14	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2019	40
15	Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020	4



DỰ THẢO
CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Thời gian: 08h30, ngày 12 tháng 6 năm 2020.

Địa điểm: Trụ sở Công ty CP khoáng sản FECON (Cụm CN Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam)

STT	Thời gian	Nội dung
1	08h00- 08h30	- Tiếp đón đại biểu và kiểm tra tư cách cổ đông
2	08h30- 09h00	- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông - Giới thiệu đoàn chủ tịch và Ban thư ký Đại hội - Thông qua chương trình nghị sự và quy chế làm việc của Đại hội - Khai mạc Đại hội
3	09h00- 09h50	<u>Thông qua các báo cáo:</u> 1. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020; 2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2019, kế hoạch hoạt động năm 2020; 3. Báo cáo của thành viên HĐQT độc lập năm 2019 4. Báo cáo hoạt động của BKS năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020; 5. Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2019.
4	09h50- 10h10	<u>Thông qua các Tờ trình:</u> 1. Tờ trình báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán; 2. Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2019; 3. Tờ trình Chi tiêu kế hoạch SXKD và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020; 4. Tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2019 và dự kiến phân phối thù lao năm 2020; 5. Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2020;
5	10h10- 10h45	- Thảo luận và trả lời chất vấn - Biểu quyết nội dung Báo cáo, Tờ trình
6	10h45- 11h00	- Nghi giải lao và kiểm phiếu
7	11h00- 11h30	- Thông qua kết quả biểu quyết - Thông qua biên bản cuộc họp và Nghị quyết của ĐHĐCĐ - Bế mạc Đại hội

Hà Nam, ngày tháng năm 2020

**QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON NĂM 2020**

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi áp dụng

- 1.1 Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 (“**ĐHĐCĐ**”) của công ty cổ phần Khoáng Sản FECON (“**Công ty**”)
- 1.2 Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, người tham dự họp **ĐHĐCĐ**, điều kiện, thể thức tiến hành họp **ĐHĐCĐ**.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cổ đông và người tham dự họp **ĐHĐCĐ** có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại quy chế này.

**CHƯƠNG II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG,
NGƯỜI THAM DỰ HỌP TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

3.1 Điều kiện tham dự **ĐHĐCĐ:**

Là các cổ đông hoặc là người đại diện được ủy quyền của cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày 18/5/2020 tham dự họp **ĐHĐCĐ**.

3.2 Quyền của các cổ đông khi tham dự **ĐHĐCĐ:**

- (a) Tất cả các cổ đông của công ty đều có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của **ĐHĐCĐ** theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- (b) Trường hợp không thể tham dự **ĐHĐCĐ**, cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền này phải được lập thành văn bản theo mẫu đính kèm theo Thư mời họp **ĐHĐCĐ** của Công ty.
- (c) Tại cuộc họp **ĐHĐCĐ**, mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông được nhận Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết sau khi đăng ký tham dự **ĐHĐCĐ** với Ban kiểm tra tư cách cổ đông. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự họp **ĐHĐCĐ** trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông/ đại diện được ủy quyền của cổ đông có mặt tại cuộc họp **ĐHĐCĐ**.
- (d) Cổ đông, đại diện được ủy quyền đến dự họp **ĐHĐCĐ** muộn có quyền đăng ký, và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp **ĐHĐCĐ**, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp **ĐHĐCĐ** và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó sẽ không bị ảnh hưởng.

3.3 Nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự **ĐHĐCĐ:**



- (a) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông khi tham dự ĐHĐCĐ phải mang theo chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền) và đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ với Ban kiểm tra tư cách cổ đông.
- (b) Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
- (c) Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả làm việc tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (d) Trang phục của cổ đông đến tham dự ĐHĐCĐ đảm bảo tính lịch sự, trang trọng.
- (e) Ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự, lộn xộn, không hút thuốc lá trong phòng ĐHĐCĐ, không sử dụng điện thoại di động trong khi ĐHĐCĐ diễn ra. Điện thoại di động phải tắt hoặc không để chuông.
- (f) Cổ đông khi vào phòng ĐHĐCĐ phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban Tổ chức ĐHĐCĐ quy định, tuân thủ việc điều hành của Chủ tọa và Ban Tổ chức ĐHĐCĐ.
- (g) Cổ đông ra về khi buổi họp ĐHĐCĐ chưa kết thúc phải nộp lại thẻ biểu quyết, nộp lại phiếu biểu quyết đã đánh dấu các nội dung biểu quyết và bầu cử theo quy định.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa, Ban chủ tọa

4.1 Ban chủ tọa gồm 03 (ba) thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua, và Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp.

4.2 Ban chủ tọa có chức năng và có nhiệm vụ sau đây:

- (a) Có chức năng điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (b) Tiến hành các công việc được cho là cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ diễn ra một cách hợp lệ và có trật tự, và/ hoặc cuộc họp ĐHĐCĐ phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
- (c) Hướng dẫn các đại biểu và ĐHĐCĐ thảo luận.
- (d) Trình dự thảo, lấy ý kiến biểu quyết và kết luận các vấn đề nằm trong Chương trình họp và các vấn đề có liên quan trong suốt cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (e) Trả lời các câu hỏi của cổ đông liên quan đến các vấn đề thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (f) Giải quyết bất kỳ và tất cả các vấn đề phát sinh (nếu có) trong suốt cuộc họp ĐHĐCĐ.
- (g) Không cần lấy ý kiến của ĐHĐCĐ, bất cứ lúc nào Ban Chủ tọa cũng có thể trì hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đến một thời điểm khác (phù hợp với quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2014, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty) và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng:
 - (i) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả cổ đông dự họp;
 - (ii) Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- (h) Quyết định của Ban Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài Chương trình họp sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Đại hội

Chủ tọa chỉ định Thư ký Đại hội để thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của Ban chủ tọa, bao gồm:

- (a) Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung của ĐHĐCĐ (bao gồm cả những vấn đề đã được ĐHĐCĐ thông qua hoặc bảo lưu).
- (b) Hỗ trợ Ban Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và thông báo của Đoàn Chủ tọa gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.



(c) Tiếp nhận phiếu câu hỏi của cổ đông.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông gồm 03 (ba) thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua, có chức năng và nhiệm vụ sau đây:

- (a) Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ: Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, Thông báo mời họp, Giấy ủy quyền (đối với đại diện được ủy quyền).
- (b) Phát cho cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự họp ĐHĐCĐ: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và các tài liệu họp khác.
- (c) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

7.1 Ban Kiểm phiếu gồm 03 (ba) thành viên do Ban Chủ tọa giới thiệu và được ĐHĐCĐ thông qua.

7.2 Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- (a) Đọc Quy chế biểu quyết, kiểm phiếu.
- (b) Giới thiệu phiếu và phát phiếu.
- (c) Tiến hành thu Phiếu sau khi ĐHĐCĐ biểu quyết.
- (d) Tiến hành kiểm phiếu.
- (e) Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm phiếu.



CHƯƠNG III

TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 8. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông tham dự đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.

Điều 9. Cách thức tiến hành ĐHĐCĐ

9.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ dự kiến sẽ diễn ra trong một ngày.

9.2 ĐHĐCĐ sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung nêu tại Chương trình họp.

Điều 10. Thảo luận nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.

Sau khi các báo cáo được trình bày xong, Chủ tọa ĐHĐCĐ tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, tiếp nhận ý kiến của các cổ đông và giải đáp thắc mắc theo nguyên tắc và cách thức sau:

10.1 Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ đăng ký nội dung phát biểu với Ban Chủ tọa qua thư ký theo mẫu Phiếu đóng góp ý kiến của công ty. Sau khi được chủ tọa cho phép phát biểu, cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp. Chủ tọa có quyền ngừng việc phát biểu của cổ đông nếu xét thấy những vấn đề kiến nghị và thảo luận trùng lặp, không liên quan đến nội dung Chương trình họp.

10.2 Chủ tọa chỉ trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong Chương trình họp. Chủ tọa không giải thích các nội dung có tính chất chuyên môn, Phục vụ yêu cầu riêng biệt của cá nhân cổ đông.

10.3 Các câu hỏi không liên quan trực tiếp đến nội dung ĐHĐCĐ nhưng thuộc phạm vi quyền và lợi ích của cổ đông sẽ được Thư ký tập họp và Ban Chủ tọa sẽ trả lời bằng hình thức khác phù hợp với quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

10.4 Các câu hỏi không kịp trả lời trong ĐHĐCĐ do thời gian có hạn cũng sẽ được Ban Chủ tọa trả lời bằng hình thức khác trực tiếp đến cổ đông.

Điều 11. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Các quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty và thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu được ĐHĐCĐ 2020 thông qua.

Điều 12. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ được lập thành Biên bản. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ.

**CHƯƠNG IV
CÁC QUY ĐỊNH KHÁC**

Điều 13. Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành

13.1 Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 8 của quy chế này thì việc triệu tập họp ĐHĐCĐ lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên tham dự là cổ đông và người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

13.2 Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 13.1 Điều này thì việc triệu tập họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được thực hiện trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

**CHƯƠNG V
HIỆU LỰC THI HÀNH**

Điều 14. Hiệu lực thi hành

Quy chế này gồm 05 Chương và 14 Điều, có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Hà Thế Phương

Hà Nam, ngày tháng ... năm 2020

**THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON**

Việc biểu quyết, kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty cổ phần khoáng sản FECON (“Đại hội”) được tiến hành theo những quy định sau đây:

1. Nguyên tắc biểu quyết:

- (a) Mọi quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 phải biểu quyết công khai và trực tiếp dưới sự điều hành của Ban Chủ tọa.
- (b) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức biểu quyết khi đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- (c) Mỗi cổ đông có số biểu quyết được tính bằng tổng số cổ phần mà người đó sở hữu và đại diện sở hữu.

2. Thẻ lệ biểu quyết:

- (a) Khi đăng ký tham dự Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết THẺ BIỂU QUYẾT và PHIẾU BIỂU QUYẾT.
- (b) Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, thông qua các nội dung của Đại hội là thẻ, phiếu in sẵn, theo mẫu của Công ty, có mã vạch và đóng dấu treo của Công ty. Trên mỗi phiếu có các thông tin sau: họ và tên cổ đông hoặc người được ủy quyền, mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu, số cổ phần được ủy quyền, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

(c) Hình thức biểu quyết:

- Biểu quyết bằng giơ THẺ BIỂU QUYẾT khi Chủ tọa đề nghị biểu quyết các vấn đề sau đây:

- (i) Thông qua lựa chọn Ban Chủ tọa, Thư ký, Ban Kiểm phiếu;
- (ii) Thông qua chương trình họp, Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu;
- (iii) Thông qua biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nội dung khác tại Đại hội đồng cổ đông;

- Cổ đông sẽ biểu quyết bằng cách giơ THẺ BIỂU QUYẾT theo sự điều khiển của Chủ tọa để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành hoặc không tán thành hoặc Không có ý kiến.

- Biểu quyết bằng PHIẾU BIỂU QUYẾT dùng để biểu quyết thông qua các nội dung của chương trình họp, gồm các báo cáo, tờ trình và các quyết định khác được thông qua tại Đại hội.

Trong một PHIẾU BIỂU QUYẾT, các nội dung lấy ý kiến về từng nội dung được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các phần biểu quyết nội dung khác.

Trường hợp PHIẾU BIỂU QUYẾT không còn nguyên vẹn hoặc bị gạch xóa hoặc đánh dấu nhầm, cổ đông có thẻ liên hệ với Ban tổ chức Đại hội để được cấp lại PHIẾU BIỂU QUYẾT mới và phải nộp lại PHIẾU BIỂU QUYẾT cũ.

Cách ghi PHIẾU BIỂU QUYẾT:

- (i) Cổ đông **đánh dấu “X”** vào một trong các ô: **Đồng ý**, hoặc **Không đồng ý**, hoặc **Không có ý kiến** tương ứng với từng vấn đề được nêu trong PHIẾU BIỂU QUYẾT.
- (ii) Trong trường hợp có các vấn đề biểu quyết phát sinh ngoài các nội dung trong PHIẾU BIỂU QUYẾT, với điều kiện các vấn đề này được Đại hội thông qua để đưa vào các nội dung trong PHIẾU BIỂU QUYẾT, các cổ đông sẽ ghi các nội dung mới này vào dòng bỏ trống của PHIẾU BIỂU QUYẾT theo hướng dẫn



của Ban chủ tọa. Tương tự, cổ đông **đánh dấu “X”** vào một trong các ô: **Đồng ý**, hoặc **Không đồng ý**, hoặc **Không có ý kiến** tương ứng với từng nội dung được bổ sung.

(d) Quy định khác đối với THẺ BIỂU QUYẾT, PHIẾU BIỂU QUYẾT:

THẺ BIỂU QUYẾT: được in trên giấy **màu hồng**.

PHIẾU BIỂU QUYẾT: được in trên giấy **màu trắng**.

3. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

Các Phiếu được coi là không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu quy định, không do Công ty phát hành, không có mã vạch do Công ty quy định, không có dấu treo của Công ty;
- Phiếu bị rách rời, không còn nguyên vẹn;
- Phiếu ghi thêm những thông tin khác không theo hướng dẫn của Ban chủ tọa, thêm ký hiệu;
- Phiếu không được điền vào ô nào hoặc được điền vào nhiều hơn một phương án trả lời mà không có chữ ký của cổ đông vào phương án trả lời cuối cùng;
- Không có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông.

4. Nguyên tắc thu Phiếu và tổ chức kiểm phiếu:

- (a) Ban Kiểm phiếu phải tiến hành thu Phiếu biểu quyết sau khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết và sau đó tiến hành kiểm phiếu.
- (b) Trước khi mở thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu phải thông kê và niêm phong số phiếu không dùng đến.
- (c) Ban kiểm phiếu không được gạch xóa hoặc sửa chữa trên các phiếu thu được.
- (d) Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác và minh bạch của công tác kiểm phiếu và kết quả kiểm phiếu.

5. Công bố kết quả kiểm phiếu và khiếu nại về kết quả kiểm phiếu:

- (a) Trường Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu trước Đại hội trước khi bế mạc cuộc họp
- (b) Mọi khiếu nại về kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa xem xét và giải quyết ngay tại Đại hội.

Hiệu lực: Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội thông qua.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hà Thế Phương

FECON
Mining

Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tâm cao

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: (84-0226) 3533 038 **Fax:** (84-0226) 3533 897

Website: www.feconmining.com.vn

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Hà Nam, tháng..... năm 2020

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON.
- Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
Công ty cổ phần khoáng sản FECON

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi: Các dự án lớn đã kí từ cuối năm ngoái khối lượng còn tiếp tục sang đến nửa đầu năm nay, thị trường cọc đầu năm sôi động, nhiều dự án mới triển khai các dự án mới kí như: Chuỗi dự án của tập đoàn Vingroup như Vin city, Vin Đại Mỹ, Tây Mỹ, Vin ocean Park, Các dự án xử lí nước như: nước thải Yên Xá; Nước mặt Sông Hồng... Ngoài ra các dự án nhà xưởng, nhà biệt thự, tại các khu công nghiệp; khu đô thị; nhà chung cư.. Cung cấp ra thị trường hơn 2 triệu m dài cọc. Phục vụ cho gần 130 dự án trong cả nước.

2. Khó khăn:

- Thị trường vật liệu biến động phức tạp. giá sắt biến động nhanh đặc biệt là thép chủ nhập khẩu. Giá xăng dầu và XM cũng biến động tăng.
- Đối thủ cạnh tranh tăng nhiều, hiệu quả của các dự án không cao do giá thấp.
- Máy móc thiết bị tại FCM có dấu hiệu xuống cấp hay hỏng hóc.
- Nguồn việc cuối năm rất hạn chế.

II. Kết quả SX KD năm 2019

1. Kết quả đạt được

*** Các chỉ tiêu về tài chính**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019		Tỉ lệ %
			KH	TH	So với KH 2019
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ	750	750.5	100%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Tỷ	35	47.4	135%
3	Chia cổ tức	%	5	5	100%

*** Một số kết quả đáng nhớ của năm 2019**

- 1.1. Hoàn thành đạt và vượt kế hoạch SXKD được ĐHDCD thường niên năm 2019 Thông qua vào ngày 15/2/2019.



- 1.2. Nhanh chóng hòa nhập với văn hóa quản trị mới của tổng công ty Phan Vũ, đáp ứng các yêu cầu của tập đoàn.
- 1.3. Lần đầu tiên SX và cung cấp ra thị trường với sản lượng cọc là 2 triệu m dài. Phục vụ cho gần 130 dự án.
- 1.4. Tạo việc làm ổn định cho người lao động trong cả năm. Trình độ chuyên môn được nâng cao, người lao động yên tâm gắn bó công tác.
- 1.5. Chất lượng sản phẩm khá ổn định được khách hàng đánh giá cao. cọc bị sự cố ở công trường mà lỗi do chất lượng bê tông không có.
- 1.6. Công tác tự bán hàng được cải thiện tốt. Doanh thu tự bán chiếm 45%DT tại FCM. Với mạng lưới đối tác khách hàng truyền thống trên 10 đối tác.
- 1.7. CBCNV tích cực tham gia vào phong trào SK cải tiến. Toàn công ty đã đưa được 90 SK vào áp dụng thành công, như vậy là từ năm 2009 đến nay đã có khoảng gần 800 sáng kiến được ứng dụng thành công đem lại hiệu quả thiết thực về mọi mặt: Năng suất, chất lượng, an toàn, điều kiện làm việc, môi trường...
- 1.8. Hệ thống nhà CC trung thành tối thiểu mỗi loại có từ 2-3 nhà và mua được với giá tốt nhất. đặc biệt các nguyên vật liệu chính.
- 1.9. Hệ thống đối tác tái chính tín tưởng cho vay bằng tín chấp.
- 1.10. Hệ thống quy chế, quy trình được ban hành đầy đủ, vận hành theo hệ thống quản lí chất lượng ISO 9001:2015

2. Những việc còn tồn tại

- 2.1. Về sản xuất tự giác, người lao động trực tiếp làm ra sản phẩm vẫn chưa thực sự tự giác, vẫn phải có người đôn đốc nhắc nhở mới chú ý tới an toàn và chất lượng. sử dụng nguyên, nhiên vật liệu chưa thực sự tiết kiệm, hiệu quả...
- 2.2. Công tác cung ứng vẫn còn chậm ảnh hưởng phần nào tới Sản xuất và Sửa chữa.
- 2.3 Công tác thu hồi công nợ còn chưa đạt kết quả, nợ phải thu lớn đặc biệt là với khách nợ FCN.

3. Báo cáo thực hiện Nghị Quyết ĐHĐCĐ và HĐQT năm 2019

- 3.1. Ban điều hành luôn bám sát nghị quyết được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua và các nghị quyết của HĐQT hàng quý, để triển khai thực hiện nghiêm túc và đạt được các kết quả Doanh thu HN/ LNSTHN như đã nêu trên.
- 3.2. Thực hiện kế hoạch phân phối lợi nhuận đã được thông qua như: chia cổ tức 5% vào tháng 7 năm 2019, Trích các quỹ theo qui định...
- 3.3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán E&Y làm đơn vị kiểm toán bán niên và cả năm.

4. Những thách thức

Bên cạnh những việc đã đạt được công ty không thể không kể đến những thách thức lớn phải đối mặt như

- 4.1. Đối thủ cạnh tranh trong lĩnh vực cọc li tâm ngày càng nhiều và không chỉ đến từ trong nước mà còn tới từ nước ngoài. Hiện tại Hà Nam ra đời thêm 3 công ty SX cọc tròn li tâm dự ứng lực.
- 4.2. Giá nguyên, nhiên vật liệu có những biến động khó đoán định
- 4.3. Nguồn nhân sự tại khu vực ngày một khan hiếm.



II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Cơ sở lập kế hoạch

- Căn cứ cụ thể vào tình hình thị trường cuối năm 2019 đầu năm 2020. Đặc biệt là tình hình dịch bệnh diễn biến rất phức tạp từ sau tết nguyên đán. Thị trường tê liệt. Các dự án phải đóng cửa, dòng vốn FDI từ TQ và HQ gần như không chảy. Các dự án lớn trọng điểm gần như không có.. Các dự án xây dựng dân dụng như trung cư, khu đô thị ít chỉ có chuỗi các dự án của Vincom; Các dự án cảng thì đặc thù; các dự án XD công nghiệp thì diễn ra cục bộ, thời điểm, không dự báo được...; Do vấn đề môi trường nên hiện nay đang, Bùng nổ Các dự án điện gió, điện mặt trời từ nam miền trung trở vào. Mặc dù có nhiều thách thức nhưng cơ hội cho ngành vẫn còn rất lớn. Và sau dịch bệnh Chính phủ có các gói hỗ trợ thúc đẩy nền kinh tế, nhất là các dự án giao thông và xây dựng...

- Phát huy những việc làm được và khắc phục những việc chưa làm được. Ban điều hành xin Kính trình Đại hội đồng cổ đông KHSXKD như sau:

2. Các chỉ tiêu chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu HN	Tỷ	750.5	800
3	Lợi nhuận sau thuế HN	Tỷ	47.4	48
4	Cổ tức (% vốn điều lệ)	%	5	5

3. Đầu tư mở rộng.

3.1. Đầu tư xây dựng nhà máy bê tông Thái Hà và Cảng thủy nội địa khoáng sản FECON.

3.2. Đề xuất đầu tư thêm thiết bị phục vụ sản xuất tại FCM: 15 tỉ đồng.

Hà nam, ngày tháng 05 năm 2020

GIÁM ĐỐC



Phạm Trung Thành

FECON
Mining

Thấu hiểu lòng đất, chinh phục tầm cao

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN FECON

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng,
tỉnh Hà Nam

Điện thoại: (84-0226) 3533 038 Fax: (84-0226) 3533 897

Website: www.feconmining.com.vn

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Về kết quả hoạt động năm 2019, Kế hoạch hoạt động năm 2020)

Hà Nam, tháng... năm 2020

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2019

1. Các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2018 (tỷ)	Kế hoạch 2019 (tỷ)	Thực hiện 2019 (tỷ)	Tỷ lệ hoàn % thành kế hoạch	Tỷ lệ % so với 2018
Doanh thu	884	750	750.5	100%	84.8%
LNST	36.7	35/45	47.4	135%/105%	129%
Lãi trên cổ phiếu	812	-	941		110%

CÁC CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH

- Doanh thu (tỷ): 750,5
- Lợi nhuận sau thuế (tỷ): 47,4
- Tổng tài sản (tỷ): 905,9
- Vốn chủ sở hữu (tỷ): 569,5

Chỉ tiêu	ROE (%)	ROA (%)	ROS (%)	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (vnd)
Thực hiện 2019	8.3	5.2	6.3	941
Thực hiện 2018	6.7	3.9	4.2	812
Tỷ lệ so với 2018 (%)	123.8	133.3	150	116

- Doanh thu đạt kế hoạch 100%; giảm 15% so với năm 2018, lý do chủ yếu là do năm 2018 FCM có công trình lớn Hoà Phát - Dung Quất ở Quảng Ngãi nên có doanh thu và sản lượng lớn. Doanh thu bao gồm chi phí vận chuyển cọc đường xa nên đội lên khá nhiều. Năm 2019 không có các công trình lớn ở miền Trung nên doanh thu giảm đi và đã được dự báo khi xây dựng kế hoạch năm 2019.
- Lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận tăng cao hơn năm 2018 do công tác tự bán hàng của cả hệ thống tốt hơn. Cụ thể FCM tự bán được 366.2 tỷ đồng chiếm 61.4% so với tổng số hàng bán ra; FCNS tự bán sắp sỉ 70 % tổng số hàng bán ra.
- Cơ cấu tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2019	Tăng/giảm so với năm trước
Tổng tài sản	Đồng	934.969.325.081	905.905.740.113	(29.063.584.968)
Tài sản ngắn hạn	Đồng	711.161.643.645	694.676.994.124	(16.484.649.521)

Tài sản dài hạn	Đồng	223.807.681.436	211.228.745.989	(12.578.935.447)
Hàng tồn kho	Đồng	277.302.441.227	215.275.643.874	(62.026.797.353)
Tiền và các khoản tương đương tiền	Đồng	30.000.382.958	78.791.224.680	48.790.841.722

- Cơ cấu nợ phải trả

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 31/12/2019	Tăng/giảm so với năm trước
Nợ phải trả	Đồng	386.950.415.069	336.384.762.153	(50.565.652.916)
Nợ xấu phát sinh	Đồng	8.026.721.329	11.790.624.189	3.763.902.860
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Đồng	1.86	2.0	0.14

2. Công tác phát triển khách hàng

- Công tác tự bán hàng đã có những chuyển biến tích cực

Chỉ tiêu (ĐVT: tỷ đồng)	FCM	FCNS	Hợp nhất	KH Năm	Tỷ lệ hoàn thành/KH (%)	Cơ cấu khách hàng /DT (%)
Doanh Thu	592	213	750	750	100	100%
Bán cho hệ thống FCN	201.7	62.66	264.36	400	67	35.3
Bán cho hệ thống PV	24.1	0.90	25			3.3
Khách hàng khác	366.2	149.44	460.64			61.4
LNST	38.1	9.3	47.4	35/45	135/105	

- Phát triển thị trường vào miền Trung (Đà Nẵng, Nha Trang), đã mở ra thị trường mới. Tuy nhiên khi thâm nhập thị trường mới cần quan tâm đến việc thu hồi tiền tránh rủi ro hình thành nợ xấu.

4. Công tác quản lý tài chính và quản trị rủi ro

- Công tác thu hồi tiền: Công tác thu hồi tiền luôn được quan tâm và theo sát nhằm tránh rủi ro. Phòng Kinh doanh thường xuyên kết hợp với phòng kế toán để hoàn thành việc nghiệm thu, quyết toán, xuất hoá đơn và đôn đốc thu hồi công nợ.

- Phân loại khách hàng để có lựa chọn, tránh rủi ro. Đội ngũ bán hàng của FCM, FCNS thường xuyên trao đổi với đội ngũ bán hàng của FCN, Phan Vũ để tập hợp và phân loại khách hàng thường xuyên, sàng lọc những khách hàng có tài chính kém, thường xuyên lợi dụng vốn.... Từ đó có những quyết định phù hợp khi thương thảo hợp đồng với từng loại khách hàng (Bảo lãnh thanh toán, giá ...)
- Nợ xấu thu hồi được: 5.696.510.854
- Nợ xấu phát sinh: 11.790.624.189 (FCM: 9.327.795.039; FCNS: 2.462.829.147)

5. Cơ cấu bộ máy tổ chức

- Trong năm đã thực hiện việc kết thúc nhiệm kỳ cũ sớm 1 năm, bắt đầu nhiệm kỳ mới của Hội đồng quản trị (2019-2024). Vì vậy có thay đổi lớn các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát để phù hợp với cơ cấu vốn của giai đoạn mới.
- Tại Fecon Mining và Fecon Nghi sơn, về cơ cấu tổ chức không thay đổi. Tỷ lệ nhảy việc thấp. Điều đó cho thấy chính sách nhân sự thu hút được người lao động. Từ cán bộ quản lý đến nhân viên khá yên tâm gắn bó với công ty.
- Hệ thống FCM mới mua thành công công ty Bê tông Thái Hà, vốn điều lệ 47 tỷ. Thông tin cơ bản tại vị trí đất thuộc xã Công Lý, huyện Lý Nhân, gần chân cầu Thái Hà, diện tích 11.5ha, có quyền xin để phát triển dự án cảng ngay cạnh nhà máy (trên mảnh đất nối nhà máy với sông Hồng). Đây là vị trí rất thuận lợi để mở rộng thị trường vào phía Nam và xuất khẩu.

6. Công bố thông tin và đảm bảo tính minh bạch.

Việc công bố thông tin thường xuyên luôn đảm bảo đúng thời điểm, minh bạch.

II. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị họp thường xuyên mỗi quý 1 lần để nghe báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, những khó khăn, những đề xuất của Ban giám đốc.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, tạo điều kiện để Ban giám đốc hoàn thành nhiệm vụ mục tiêu mà Đại hội cổ đông và HĐQT đã giao cho.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Hà Thế Phương	Chủ tịch	05/05/2010 đến nay	4/4	100%	
2	Phan Khắc Long	Phó chủ tịch	15/02/2019 đến nay	4/4	100%	Bổ nhiệm 15/02/2019
3	Trần Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT	15/02/2019 đến nay	4/4	100%	Bổ nhiệm 15/02/2019

4	Đoàn Hùng Dũng	TV HĐQT	15/02/2019 đến nay	4/4	100%	Bổ nhiệm 15/02/2019
5	Trần Công Tráng	TV HĐQT	15/02/2019 đến nay	4/4	100%	Bổ nhiệm 15/02/2019
6	Hà Thế Lộng	Phó chủ tịch	15/02/2019	1/4	25%	Kết thúc NK ngày 15/02/2019
7	Nguyễn Chí Công	TV HĐQT	15/02/2019	1/4	25%	Kết thúc NK ngày 15/02/2019
8	Ngô Mạnh Quân	TV HĐQT	15/02/2019	1/4	25%	Kết thúc NK ngày 15/02/2019
9	Phạm Trung Thành	TV HĐQT	15/02/2019	1/4	25%	Kết thúc NK ngày 15/02/2019

2. Thù lao, chi phí của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được chi trả hàng tháng vào tài khoản cá nhân theo mức thù lao đã được Đại hội cổ đông thông qua. Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền thù lao/tháng (vnd)	Tổng số (vnd)/năm	Ghi chú
1	Hà Thế Phương	Chủ tịch	25.000.000	300.000.000	12 tháng
2	Phan Khắc Long	Phó Chủ tịch	10.000.000	110.000.000	11 tháng
3	Trần Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT	8.000.000	88.000.000	11 tháng
4	Đoàn Hùng Dũng	Thành viên HĐQT độc lập	8.000.000	88.000.000	11 tháng
5	Trần Công Tráng	Thành viên HĐQT độc lập	8.000.000	88.000.000	11 tháng
6	Lê Thị Anh	Trưởng Ban kiểm soát	8.000.000	88.000.000	11 tháng
7	Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên BKS	5.000.000	55.000.000	11 tháng
8	Hà Thị Mỹ Quyên	Thành viên BKS	5.000.000	55.000.000	11 tháng
9	Nguyễn Hữu Thiều	Thư ký HĐQT	5.000.000	60.000.000	12 tháng
10	Hà Thế Lộng	Phó Chủ tịch HĐQT	10.000.000	10.000.000	1 tháng
11	Nguyễn Chí Công	Thành viên HĐQT	8.000.000	8.000.000	1 tháng
12	Ngô Mạnh Quân	Thành viên	8.000.000	8.000.000	1 tháng

		HĐQT			
13	Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT	8.000.000	8.000.000	1 tháng
14	Nguyễn Thị Nghiênn	Trưởng BKS	8.000.000	8.000.000	1 tháng
15	Nguyễn Mạnh Quân	Thành viên BKS	5.000.000	5.000.000	1 tháng
	Tổng số			979.000.000	12 tháng

3. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày, tháng	Nội dung
1	011501/2019/NQ-HĐQTFCM	15/01/2019	Thông qua báo cáo kết quả HĐ SXKD năm 2018, kế hoạch 2019 và các nội dung báo cáo, tờ trình tại ĐHĐCĐ thường niên 2019
2	011502/2019/NQ-HĐQTFCM	15/01/2019	Miễn nhiệm chức danh KTT đối với ông Đào Trung Dũng
3	011503/2019/NQ-HĐQTFCM	15/01/2019	Bổ nhiệm chức danh KTT đối với bà Nguyễn Thị Thanh Vân
4	0215/2019/NQ-HĐQT	15/02/2019	Thông qua việc bầu chức danh Chủ tịch và Phó Chủ tịch công ty CP khoáng sản FECON nhiệm kỳ 2019-2024.
5	042401/2019/NQ-HĐQTFCM	24/4/2019	Thông qua báo cáo kết quả SXKD quý 1, kế hoạch quý 2 năm 2019.
6	0529/2019/NQ-HĐQTFCM	29/5/2019	Thực hiện trả cổ tức năm 2018 bằng tiền.
7	0613/2019/NQ-HĐQTFCM	13/6/2019	Thông qua chủ trương thực hiện bổ sung các hợp đồng giao dịch giữa công ty CP khoáng sản FECON với Công ty CP thi công cọc FECON số 1.
8	0627/2019/NQ-HĐQTFCM	27/6/2019	V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019.
9	0716/2019/NQ-HĐQTFCM	16/7/2019	Thông qua báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm, kế hoạch 6 tháng cuối năm 2019.
10	0820/2019/NQ-HĐQTFCM	20/8/2019	Thông qua chủ trương thực hiện bổ sung các hợp đồng giao dịch giữa công ty CP khoáng sản FECON với Công ty CP thi công cọc và xây dựng FECON.
11	0929/2019/NQ-HĐQTFCM	29/9/2019	V/v mua cổ phần Công ty cổ phần bê tông Thái Hà

12	1031/2019/NQ-HĐQTFCM	31/10/2019	Thông qua báo cáo kết quả SXKD 9 tháng đầu năm, kế hoạch 3 tháng cuối năm 2019.
13	123001/2019/QĐ-HĐQTFCM	30/12/2019	V/v bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc công ty đối với ông Phạm Trung Thành.
14	0108/2020/NQ-HĐQTFCM	08/01/2020	Thông qua kế hoạch về chi phí, tiến độ và cơ cấu tổ chức công ty CP bê tông Thái Hà
15	021101/2020/NQ-HĐQTFCM	11/02/2020	Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch năm 2020.
16	021102/2020/NQ-HĐQTFCM	11/02/2020	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
17	022801/2020/QĐ-HĐQTFCM	28/02/2020	V/v miễn nhiệm chức vụ Phó giám đốc công ty CP khoáng sản FECON đối với ông Lê Quang Trung
18	022802/2020/QĐ-HĐQTFCM	28/02/2020	V/v bổ nhiệm chức vụ Phó giám đốc công ty CP khoáng sản FECON đối với ông Lương Anh Kiên
19	0323/2020/QĐ-HĐQTFCM	23/03/2020	V/v hoãn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
20	0427/2020/NQ-HĐQTFCM	27/04/2020	Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
21	042701/2020/NQ-HĐQTFCM	27/04/2020	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 1, Kế hoạch Quý 2 năm 2020 và một số nội dung khác.
22	042702/NQ-HĐQTFCM	27/04/2020	Phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2020

4. Kết quả giám sát đối với Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị luôn theo sát, giám sát hoạt động của Ban giám đốc, cụ thể:

- Phê duyệt các kế hoạch, giao KPI cho toàn hệ thống, đặc biệt trong cuộc họp HĐQT quý 2 đã điều chỉnh kịp thời mức giao lợi nhuận hợp nhất của Công ty từ 35 tỷ lên 45 tỷ.
- Phê duyệt các quyết định về việc bãi nhiệm, bổ nhiệm cán bộ của Ban lãnh đạo và cán bộ quản lý theo phân cấp thẩm quyền phê duyệt.
- Phê duyệt các quyết định liên quan đến việc đầu tư, đặc biệt là quyết định mua lại Công ty Cổ phần bê tông Thái Hà.

III. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm qua có thể nhận thấy những mặt mạnh, những hạn chế của hệ thống của công ty Cổ phần khoáng sản FECON như sau:

Những điểm mạnh:

- Chất lượng sản phẩm luôn ổn định, duy trì ở chất lượng tốt nhất trên thị trường.
- Hoạt động cải tiến diễn ra liên tục và có hiệu quả, đặc biệt là tại Hà Nam.
- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý ổn định, nhiệt huyết, hết mình vì sự phát triển của công ty.
- Quy trình quản lý 5S, quản lý chất lượng được thực hiện nghiêm túc, duy trì thường xuyên.
- Phát huy tốt điểm mạnh về vị trí địa lý nằm giữa vùng nguyên liệu đá vôi lớn nhất, giá rẻ nhất thị trường Việt Nam.
- Công tác bán hàng có những bước tiến liên tục.

Những hạn chế:

- Công tác định hướng phát triển thị trường: Chưa dẫn dắt được thị trường trong cuộc chơi. Cần xác định vị thế người dẫn dắt các thầu phụ để tham gia vào thị trường.
- Cần quan tâm đến quản trị rủi ro để tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công tác hoạch định cán bộ.

Định hướng:

- Hoàn thành việc xây dựng nhà máy Bê tông Thái Hà để phát huy hết thế mạnh về vị trí địa lý (trung tâm vùng nguyên liệu, tiện vận chuyển thủy) để mở rộng thị trường vào sâu phía nam và thị trường xuất khẩu.
- Nâng cao chất lượng để xuất khẩu vào được thị trường các nước đông nam á, làm bàn đạp để xuất vào thị trường các nước phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc theo định hướng phát triển chung của tập đoàn Phan Vũ.
- Nghiên cứu thị trường để sản xuất thêm các sản phẩm khác ngoài cọc (cừ ván, tấm tường).
- Hướng đến các sản phẩm cọc và Bê tông đúc sẵn cao cấp đảm bảo chất lượng cao, thân thiện với môi trường.
- Không ngừng cải tiến để hướng đến công nghệ 4.0, tự động hoá từng phần dây chuyền cũ, đặc biệt áp dụng vào dây chuyền công nghệ mới.

IV. Đánh giá chung

Hội đồng quản trị đã nghiêm túc thực hiện và hoàn thành được những nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông giao cho, đã đồng hành cùng Ban giám đốc và hỗ trợ Ban giám đốc hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội cổ đông năm 2019.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị FCM trong năm 2019 và Kế hoạch hoạt động 2020. Kính trình Đại hội cổ đông thông qua.



BÁO CÁO
CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ FECON MINING

Hà Nam, tháng ... /2020



1- Thực hiện trách nhiệm của thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập:

Hai thành viên độc lập thuộc HĐQT công ty CP khoáng sản FECON (FCM) đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, nghiên cứu tài liệu và đã có những ý kiến góp ý thiết thực trong các cuộc họp HĐQT cũng như các ý kiến thông qua việc giám sát các kết quả hoạt động của FCM.

2- Nhận xét về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ 2019- quý 1/2020:

Được sự lãnh đạo sát sao của Hội Đồng Quản trị và sự nỗ lực của Ban LD và đội ngũ CBNV công ty FCM (hợp nhất) đã hoàn thành các mục tiêu về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận. Đây là một thành công rất tốt trong hoạt động điều hành sản xuất.

Bên cạnh đó FCM đã không ngừng ổn định năng lực sản xuất, duy trì chất lượng sản phẩm ổn định trước một số biến động của thị trường vật tư, lao động.

Đồng thời Ban Giám Đốc FCM đã tích cực thực hiện tiến độ mua lại Cty Bê Tông Thái Hà theo chủ trương của HĐQT. Đã giải quyết nhiều vướng mắc trong thủ tục cũng như quá trình đền bù.

Tuy nhiên bên cạnh các thành tựu đạt được, quá trình thực hiện của FCM còn các tồn tại cần cải tiến như sau:

- Tình hình giải quyết công nợ còn rất kém, nợ tồn đọng lớn và giải quyết không hiệu quả, có xu hướng càng ngày càng xấu và diễn biến theo xu hướng bất lợi cho FCM, gây rủi ro và thiệt hại cao cho FCM. Mặc dù HĐQT đã chỉ đạo và ban hành hàng loạt nghị quyết, đã hướng dẫn hỗ trợ BGD cách giải quyết nhưng Ban GD FCM đã giải quyết vấn đề này kém hiệu quả.

- Hoạt động bán hàng chưa có chiến lược rõ ràng và cách bán hàng chưa hiệu quả: chỉ tập trung vào một số nhóm khách hàng nhất định nên rất dễ (và hầu như) bị lệ thuộc nặng nề vào các khách hàng này. Đó là rủi ro rất lớn trong Quản lý Kinh doanh, mặc dù HĐQT đã nhắc nhở nhưng BGD chưa đề trình chiến lược thay đổi trong bán hàng. Đến nay vẫn chưa đề trình Chính sách bán hàng như chỉ đạo của HĐQT.

3- Các kiến nghị với Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị:

Đề nghị ra thời hạn 3 tháng để Ban Giám Đốc FCM thực hiện các nội dung sau đây:

1- Giải quyết tình trạng nghiệm thu tồn đọng đối với các trường hợp cung cấp hàng cho FCN, thực hiện đúng thời gian qui định. Đảm bảo tất cả hàng cung cấp mới không để nghiệm thu trễ.

2- Truy thu toàn bộ thiệt hại (tính lãi do trả chậm) từ các giao dịch với các khách hàng (theo các chỉ đạo của HĐQT).



3- Thu hồi công nợ của FCN tới mức thỏa thuận là 120 tỷ và công nợ quá hạn của các khách hàng khác.

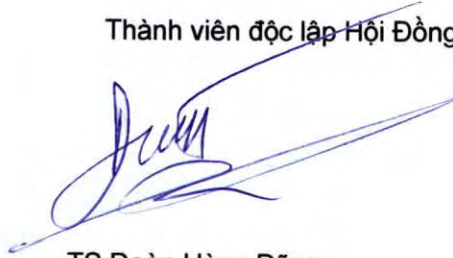
4- Đề trình Chính sách bán hàng lên HĐQT xem xét phê duyệt.

5- Xây dựng chiến lược kinh doanh mới và đề trình HĐQT FCM xem xét trước 30/8/2020.

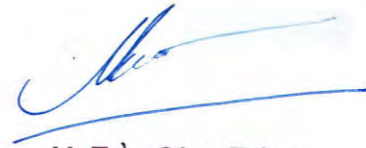
Tiến độ thực hiện các yêu cầu này phải được Ban Giám Đốc FCM báo cáo hàng tháng cho HĐQT FCM.

Trân trọng!

Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị FCM (Fecon Mining)



TS. Đoàn Hùng Dũng



Mr. Trần Công Tráng



BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Hà Nam, tháng .../2020



Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
- Điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.
- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc trong năm tài chính 2019.
- Báo cáo tài chính hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát trong năm tài chính 2019, thực thi trách nhiệm và quyền hạn theo Điều lệ công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần khoáng sản FECON xin báo cáo kết quả hoạt động của Ban trong năm 2019 như sau:

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

1. Cơ cấu tổ chức Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát công ty gồm 3 thành viên:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Lê Thị Anh	Trưởng ban
2	Hà Thị Mỹ Quyên	Thành viên
3	Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên

2. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ của BKS;
- Cử người đại diện tham gia đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị;
- Tham gia đóng góp các ý kiến trong việc xây dựng các Quy chế...
- Đề xuất, lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính Công ty;
- Thảo luận về tính chất, phạm vi với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (đơn vị được chọn thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính) trước và trong quá trình kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2019; xem xét các ý kiến ngoại trừ ảnh hưởng đến chất lượng Báo cáo tài chính Công ty;
- Thẩm tra tính hợp lý, hợp lệ và cần trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập các Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

3. Đánh giá công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban giám đốc:

a. Kết quả giám sát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, tuân thủ đúng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông; các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đều bám sát vào tình hình thực tế hoạt động của Công ty;

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để thông qua các Nghị quyết, quyết định, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019;
- Chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT/ĐHĐCĐ;
- Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm 2019 phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Công ty, đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động SXKD thực tế của công ty. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định;
- Trong năm 2019, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2019 đều bám sát mục tiêu định hướng phát triển chiến lược của đại hội đồng cổ đông.

b. Kết quả giám sát hoạt động của Ban giám đốc:

- Trong năm 2019, Ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực lớn trong công tác điều hành. Các chỉ tiêu doanh thu / lợi nhuận đạt và vượt mức kế hoạch, hoàn thành thực hiện chi trả cổ tức năm 2018 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ;
- Ban giám đốc đã có những hành động thiết thực trong việc tập trung nguồn lực bán hàng, giảm chi phí sản xuất thông qua các biện pháp như: không ngừng cải tiến quy trình sản xuất, tìm kiếm nguyên vật liệu thay thế nhằm giảm giá thành, nâng cao năng suất lao động để tăng khả năng cạnh tranh;
- Công tác thi đua sáng kiến vẫn được duy trì và phát triển, ngày càng có nhiều cán bộ nhân viên tích cực tham gia;
- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước theo Quy định của pháp luật;
- Về chế độ với người lao động: Ban giám đốc đã quan tâm và chăm lo tốt đến đời sống của người lao động cả về mặt vật chất lẫn tinh thần;
- Trong năm 2019, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của Ban giám đốc công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

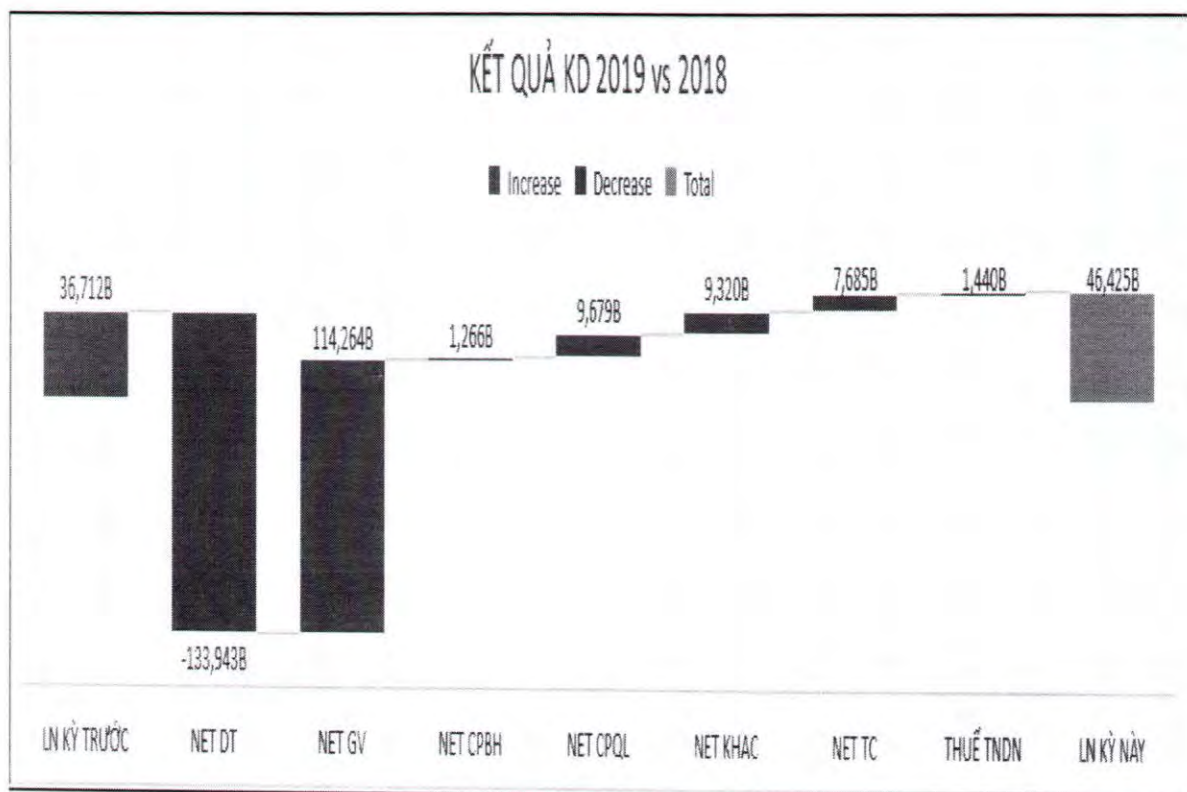
4. Đánh giá tình hình hoạt động SXKD hợp nhất của công ty trong năm 2019:

Trên cơ sở thẩm định lại các Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã lập và được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Ban kiểm soát đánh giá như sau:

- Thống nhất với các Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính, phù hợp với Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan.

a. Báo cáo kết quả kinh doanh:

Mục	2019	2018
Doanh thu thuần	750,543,946,831	884,186,692,864
Giá vốn hàng bán	648,448,787,850	763,389,560,349
Lợi nhuận gộp	102,095,158,981	120,797,132,515
Doanh thu tài chính	690,878,462	544,575,297
Chi phí tài chính	16,625,377,858	24,164,050,778
- Trong đó: Chi phí lãi vay	16,349,842,933	19,439,309,659
Chi phí bán hàng	3,684,688,993	4,950,887,081
Chi phí quản lý	26,392,267,613	36,276,377,895
Lợi nhuận từ HĐKD	56,083,702,979	55,950,392,058
Thu nhập khác	2,701,873,133	3,566,147,428
Chi phí khác	1,198,181,478	11,348,696,294
Lợi nhuận khác	1,503,691,655	(7,782,548,866)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	57,587,394,634	48,167,843,192
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10,143,835,018	13,208,542,607
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(1,753,129,925)
Lợi nhuận sau thuế	47,443,559,616	36,712,430,510



b. Về cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn tại ngày 31/12/2019

MỤC	2019	2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	694,676,994,124	713,679,695,611
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	78,791,224,680	30,000,382,958
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5,000,000,000	5,000,000,000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	379,611,026,158	387,861,645,212
4. Hàng tồn kho	215,275,643,874	277,302,441,227
5. Tài sản ngắn hạn khác	15,999,099,412	13,515,226,214
II - TÀI SẢN DÀI HẠN	211,228,745,989	221,289,629,470
1. Các khoản phải thu dài hạn	2,565,548,398	644,416,012
2. Tài sản cố định	185,669,436,942	217,541,591,169
3. Bất động sản đầu tư	864,700,000	-
4. Tài sản dở dang dài hạn	20,142,385,386	-
5. Đầu tư tài chính dài hạn	-	-
6. Tài sản dài hạn khác	1,986,675,263	3,103,622,289
Tổng cộng tài sản	905,905,740,113	934,969,325,081
I - NỢ PHẢI TRẢ	336,384,762,153	386,950,415,069
1. Nợ ngắn hạn	335,523,162,153	381,420,431,925
2. Nợ dài hạn	861,600,000	5,529,983,144
II - VỐN CHỦ SỞ HỮU	513,776,711,951	496,831,487,353
1. Vốn chủ sở hữu	491,929,422,399	480,491,062,377
2. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	21,847,289,552	16,340,424,976
III - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	55,744,266,009	51,187,422,659
Tổng cộng nguồn vốn	905,905,740,113	934,969,325,081

c. Một số chỉ tiêu khác của Báo cáo tài chính hợp nhất:

Phần 1: Vốn lưu động và tính thanh khoản

Khả năng thanh toán		2019	2018	2017	2016	2015
÷	Tài sản ngắn hạn	694,677	713,680	686,994	617,574	537,376
	Nợ ngắn hạn	335,523	381,420	453,834	406,160	313,421
=	Khả năng thanh toán ngắn hạn	2.07	1.87	1.51	1.52	1.71



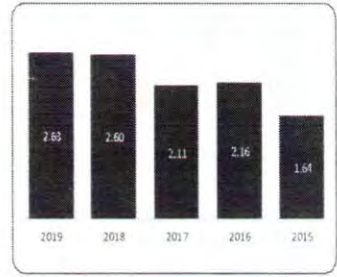
- Khoản nợ phải trả giảm sâu (do tác động kép giảm khoản nợ tín dụng ngắn hạn và khoản ứng trước của khách hàng) trong khi đó các khoản phải thu và hàng tồn kho giảm, tuy nhiên tốc độ giảm chậm hơn -> Cải thiện được khả năng thanh toán của FCM.

Khả năng thanh toán nhanh		2019	2018	2017	2016	2015
÷	Tài sản ngắn hạn - hàng tồn kho	479,401	436,377	377,832	338,727	294,364
	Nợ ngắn hạn	335,523	381,420	453,834	406,160	313,421
=	Khả năng thanh toán nhanh	1.43	1.14	0.83	0.83	0.94



Phần 2: Hiệu quả sử dụng tài sản

Số vòng quay HTK		2019	2018	2017	2016	2015
	Giá vốn hàng bán	648,449	763,390	620,369	563,003	399,659
+	Hàng tồn kho	492,578	586,464	588,008	521,859	243,012
=	Số vòng quay HTK	2.63	2.60	2.11	2.16	1.64



- Tốc độ giải phóng hàng tồn kho giảm nhẹ. Năm 2019 FCM đã nỗ lực giải phóng hàng tồn kho tốt.

Số vòng quay tổng TS		2019	2018	2017	2016	2015
	Doanh thu thuần	750,544	884,187	778,920	692,486	526,724
+	Tổng tài sản	1,840,875.1	1,972,148.9	2,037,346.1	1,936,906.0	936,739.5
=	Số vòng quay tổng TS	0.82	0.90	0.76	0.72	1.12



- Doanh thu giảm sâu so với tổng tài sản -> Vòng quay tài sản giảm.

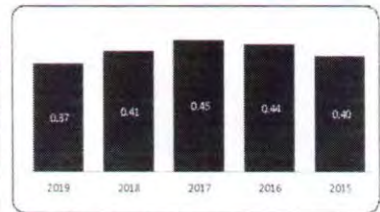
Kỳ thu tiền bình quân		2019	2018	2017	2016	2015
	Phải thu bình quân	383,736	364,899	324,874	277,396	246,980
+	Doanh số bình quân/ngày	2,084.8	2,456.1	2,163.7	1,923.6	1,463.1
=	Số ngày phải thu bình quân	184.06	148.57	150.15	144.21	168.80



- Doanh thu giảm, trong khi khoản phải thu bình quân tăng -> số ngày bị chiếm dụng vốn tăng cao đột biến. Đây là dấu hiệu FCM đang bị khách hàng chiếm dụng vốn. Do đó cần tập trung công tác quản lý và thu hồi công nợ, đẩy nhanh tốc độ dòng tiền vào. Một mặt đảm bảo tính thanh khoản và dự nguồn cho dự án đầu tư nhà máy mới.

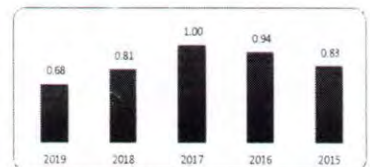
Phần 3: Khả năng đảm bảo nợ bằng tài sản

Hệ số nợ		2019	2018	2017	2016	2015
	Tổng nợ phải trả	336,385	386,950	469,255	436,710	372,464
+	Tổng tài sản	905,906	934,969	1,037,180	1,000,167	936,739
=	Hệ số nợ	0.37	0.41	0.45	0.44	0.40



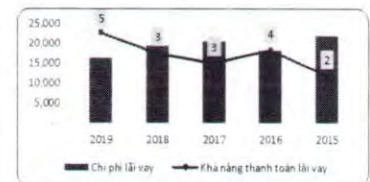
- Tỷ trọng nợ / tài sản giảm do FCM giảm được nợ vay và các khoản tạm ứng. Hệ số này của FCM đang ở mức an toàn tuy nhiên FCM nên tăng khả năng chiếm dụng vốn của khách hàng và NCC đồng thời với việc giảm nợ vay.

Nợ/ Vốn chủ sở hữu		2019	2018	2017	2016	2015
	Tổng nợ phải trả	336,385	386,950	469,255	436,710	372,464
+	Vốn chủ sở hữu	491,929	480,491	468,112	462,217	448,351
=	Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.68	0.81	1.00	0.94	0.83



- Nợ phải trả giảm do đó tỷ trọng Nợ / Vốn CSh giảm.

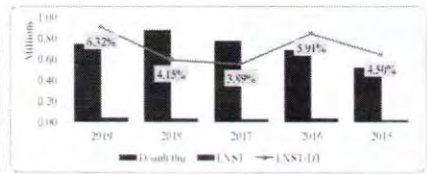
Khả năng thanh toán lãi vay		2019	2018	2017	2016	2015
	Lợi nhuận trước thuế và lãi vay	73,937	67,607	60,611	65,765	51,214
+	Chi phí lãi vay	16,350	19,439	20,540	18,154	21,965
=	Khả năng thanh toán lãi vay	4.52	3.48	2.95	3.62	2.33



- Lợi nhuận trước thuế tăng đồng thời với chi phí lãi vay giảm do đó khả năng thanh toán lãi vay của FCM tăng cao.

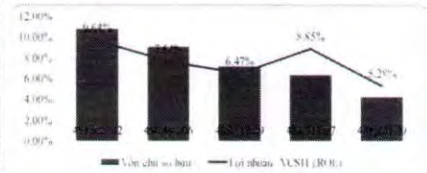
Phần 4: Khả năng sinh lời

Lợi nhuận thuần	2019	2018	2017	2016	2015
Lợi nhuận sau thuế	47,444	36,712	30,272	40,917	23,684
÷ Doanh thu thuần	750,544	884,187	778,920	692,486	526,724
= Lợi nhuận thuần/ doanh thu	6.32%	4.15%	3.89%	5.91%	4.50%



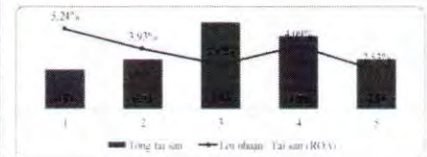
- Lợi nhuận sau thuế tăng trong bối cảnh doanh thu suy giảm -> các chỉ số khả năng sinh lời của FCM đều tăng cao so với các năm trước

Lợi nhuận/ VCSH (ROE)	2019	2018	2017	2016	2015
Lợi nhuận sau thuế	47,444	36,712	30,272	40,917	23,684
÷ Vốn chủ sở hữu	491,929	480,491	468,112	462,217	448,351
= Lợi nhuận/ VCSH (ROE)	9.64%	7.64%	6.47%	8.85%	5.28%



- Lợi nhuận sau thuế tăng trong bối cảnh doanh thu suy giảm -> các chỉ số khả năng sinh lời của FCM đều tăng cao so với các năm trước

Lợi nhuận/ Tài sản (ROA)	2019	2018	2017	2016	2015
Lợi nhuận sau thuế	47,444	36,712	30,272	40,917	23,684
÷ Tổng tài sản	905,906	934,969	1,037,180	1,000,167	936,739
= Lợi nhuận/ Tài sản (ROA)	5.24%	3.93%	2.92%	4.09%	2.53%



- Lợi nhuận sau thuế tăng trong bối cảnh doanh thu suy giảm -> các chỉ số khả năng sinh lời của FCM đều tăng cao so với các năm trước

5. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS, HĐQT, Ban GD và các cán bộ quản lý.

- Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp và cộng tác tích cực từ Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty trong việc trao đổi thông tin, thông báo;
- Triệu tập họp HĐQT, họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát;
- Ban giám đốc điều hành đã cử các cán bộ có trách nhiệm làm việc kịp thời với Ban kiểm soát khi có yêu cầu, thái độ làm việc nghiêm túc, tuân thủ hợp tác;
- Ban kiểm soát đánh giá sự phối hợp của HĐQT, Ban GD điều hành đã đáp ứng được yêu cầu quyền lợi của các cổ đông.

Kiến nghị cho năm 2020: HĐQT và BGD cần:

- Phân loại, đánh giá khách hàng từ đó xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với bối cảnh tính thanh khoản của thị trường kém. Ưu tiên khả năng thanh toán hơn khả năng sinh lời;
- Tăng cường công tác kiểm soát, thu hồi công nợ, hàng gửi bán, xây dựng hạn mức chung về công nợ và hàng gửi bán cho cả tập đoàn. Xây dựng hạn mức công nợ và hàng gửi bán cho các khách hàng đang có tỉ lệ chiếm dụng vốn cao;
- Xây dựng quy chế ứng xử trong tình huống khách hàng vi phạm quy định về hạn mức;
- Mở rộng hệ thống khách hàng, tránh tình trạng bán hàng quá phụ thuộc vào một hoặc một nhóm khách hàng, dẫn đến dễ mất khả năng tự chủ và kiểm soát khi thị trường diễn biến xấu hoặc bất lợi;
- Xây dựng, phổ biến, áp dụng quy trình/quy chế đã xây dựng đến mỗi phòng/ban/phân xưởng nhằm giúp việc triển khai nghị quyết HĐQT/BGD được nhanh chóng;

- Xây dựng cơ chế thưởng sáng kiến khi áp dụng thành công sáng kiến vào thực tiễn sản xuất/ quản lý nhằm thúc đẩy tinh thần sáng tạo của người lao động, tăng năng suất lao động;
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn (đặc biệt là nguồn vốn lưu động bằng cách tăng vòng quay nguyên vật liệu và hàng tồn kho).

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

Để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát trình Đại hội kế hoạch làm việc năm 2020 như sau:

- Tiếp tục nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban giám đốc; Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, tham gia góp ý kiến với HĐQT, đề xuất các kiến nghị với Ban Giám đốc nhằm thúc đẩy, triển khai đầy đủ, kịp thời các công việc cụ thể trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của BKS;
- Soát xét kế hoạch, báo cáo của Công ty về: tình hình tài chính, SXKD, thực hiện các dự án, công tác quản lý tổ chức...
- Soát xét, nêu ý kiến về Báo cáo tài chính năm và Báo cáo tài chính định kỳ của Công ty;
- Kiểm tra định kỳ và đột xuất các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, thực hiện các Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Ban giám đốc;
- Duy trì sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban giám đốc và các phòng/ban, đơn vị chức năng trong Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020. Kính trình ĐHĐCĐ xem xét và cho ý kiến để Ban Kiểm soát thực hiện tốt vai trò của mình trong việc giám sát các hoạt động của công ty.

Cuối cùng Ban kiểm soát xin gửi tới các quý vị cổ đông lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp!
Xin trân trọng cảm ơn.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Anh

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua BCTC năm 2019 đã kiểm toán

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 Công ty cổ phần Khoáng sản FECON, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được công bố thông tin theo quy định tại Website chính thức của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định và đăng tải trên Website của Công ty (www.feconmining.com.vn).

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	Triệu	803.459	905.905
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu	506.205	569.520
3	Tổng doanh thu (thuần)	Triệu	591.992	750.543
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu	38.104	47.443
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	-	941

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



TỜ TRÌNH
Phương án phân phối lợi nhuận 2019

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm trước	41.005.667.501	-
Lợi nhuận sau thuế năm 2019	47.443.559.616	-
Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2019	11.860.889.904	25%
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>4.744.355.962</i>	<i>10%</i>
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>7.116.533.942</i>	<i>15%</i>
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2019	979.000.000	-
Thưởng Ban điều hành năm 2019	948.871.000	2%
Chia cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt	20.500.000.000	5% (VĐL)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 về phương án chia cổ tức bằng tiền mặt tương ứng 5% vốn điều lệ; Thưởng Ban điều hành năm 2019 mức thưởng 2% lợi nhuận sau thuế tương đương 948.871.000 đồng và ủy quyền cho Giám đốc công ty căn cứ tình hình thực tiễn để thực hiện chi trả cho phù hợp.

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hà Thế Phương

TỜ TRÌNH

Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;

- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu	Tỷ	750	800
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	47,4	48

(Trong trường hợp dịch bệnh tác động, ảnh hưởng xấu tới tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh thì chỉ tiêu kế hoạch doanh thu hợp nhất và lợi nhuận sau thuế hợp nhất có thể điều chỉnh giảm tối đa không quá 10% so với kế hoạch trên).

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10% Lợi nhuận sau thuế
Trích quỹ đầu tư phát triển	15% Lợi nhuận sau thuế
Thưởng HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	0,6% Lợi nhuận sau thuế
Thưởng ban điều hành năm 2020	2% Lợi nhuận sau thuế
Cổ tức bằng tiền mặt	5% vốn điều lệ

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.

IM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CỘNG TY
CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN
FECON
H. KIM BẢNG - T. HÀ NAM
Hà Thế Phương

Số: 04/TTr-HĐQTFCM

Hà Nam, ngày tháng..... năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Quyết toán thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2019;
dự kiến mức phân phối thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2020

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;

- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;

- Căn cứ Báo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;

- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung như sau:

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2019:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền thù lao/tháng (vnd)	Mức thù lao/năm 2019 (vnd)	Số tháng	Ghi chú
1	Hà Thế Phương	Chủ tịch	25.000.000	300.000.000	12	
2	Phan Khắc Long	Phó Chủ tịch	10.000.000	110.000.000	11	Bổ nhiệm ngày 15/2/2019
3	Trần Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	8.000.000	88.000.000	11	Bổ nhiệm ngày 15/2/2019
4	Đoàn Hùng Dũng	Thành viên HĐQT (độc lập)	8.000.000	88.000.000	11	Bổ nhiệm ngày 15/2/2019
5	Trần Công Tráng	Thành viên HĐQT (độc lập)	8.000.000	88.000.000	11	Bổ nhiệm ngày 15/2/2019
6	Lê Thị Anh	Trưởng Ban kiểm soát	8.000.000	88.000.000	11	Bổ nhiệm ngày 15/2/2019
7	Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên BKS	5.000.000	55.000.000	11	Bổ nhiệm ngày 15/2/2019
8	Hà Thị Mỹ Quyên	Thành viên BKS	5.000.000	55.000.000	11	Bổ nhiệm ngày 15/2/2019
9	Nguyễn Hữu Thiệu	Thư ký HĐQT	5.000.000	60.000.000	12	
10	Hà Thế Lộng	Phó Chủ tịch HĐQT	10.000.000	10.000.000	01	Kết thúc NK ngày 15/2/2019
11	Nguyễn Chí Công	Thành viên HĐQT	8.000.000	8.000.000	01	Kết thúc NK ngày 15/2/2019



12	Ngô Mạnh Quân	Thành viên HĐQT	8.000.000	8.000.000	01	Kết thúc NK ngày 15/2/2019
13	Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT	8.000.000	8.000.000	01	Kết thúc NK ngày 15/2/2019
14	Nguyễn Thị Nghiênn	Trưởng BKS	8.000.000	8.000.000	01	Kết thúc NK ngày 15/2/2019
15	Nguyễn Mạnh Quân	Thành viên BKS	5.000.000	5.000.000	01	Kết thúc NK ngày 15/2/2019
Tổng số				979.000.000		

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội thông qua quyết toán thù lao thực hiện năm 2019 của HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT là: 979.000.000 đồng (Chín trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn).

2. Kế hoạch phân phối thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2020:

STT	Chức vụ/ vị trí	Số lượng (Người)	Từ tháng 01/2020-05/2020		Từ tháng 06/2020-12/2020		Thù lao năm 2020 (VNĐ)
			Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao 5 tháng (VNĐ)	Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao 7 tháng (VNĐ)	
1	Chủ tịch HĐQT	1	25.000.000	125.000.000	12.500.000	87.500.000	212.500.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	50.000.000	5.000.000	35.000.000	85.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	8.000.000	120.000.000	4.000.000	84.000.000	204.000.000
4	Trưởng ban kiểm soát	1	8.000.000	40.000.000	4.000.000	28.000.000	68.000.000
5	Thành viên ban kiểm soát	2	5.000.000	50.000.000	2.500.000	35.000.000	85.000.000
6	Thư ký HĐQT	1	5.000.000	25.000.000	2.500.000	17.500.000	42.500.000
Tổng cộng				410.000.000		287.000.000	697.000.000

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương

Số: 05/TTr-HĐQTFCM

Hà Nam, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH

Danh sách để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Khoáng sản FECON;
- Căn cứ Báo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khoáng sản FECON về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt thông qua danh sách 04 công ty Kiểm toán độc lập để Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2020 như sau:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
2. Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam (CPA Việt Nam);
3. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC);
4. Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Trong trường hợp không thống nhất được với những Công ty Kiểm toán trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các Công ty Kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 và soát xét Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên năm 2020 (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

Hội đồng quản trị kính trình và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Lưu VP.



Hà Thế Phương

Công ty Cổ phần Khoáng Sản FECON

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty Cổ phần Khoáng Sản FECON

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 38

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng Sản FECON ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0700252549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp vào ngày 3 tháng 9 năm 2007 và theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 7 ngày 6 tháng 1 năm 2015.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã FCM theo Quyết định số 54/2013/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 5 năm 2013.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và cung cấp cọc bê tông ly tâm dự ứng lực, sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng và cấu kiện bê tông đúc sẵn.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 2 công ty con trực tiếp và 1 công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

Công ty	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	
			Tỷ lệ sở hữu %	Quyền biểu quyết %
Công ty con trực tiếp				
Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn	Thanh Hóa	Sản xuất bê tông thành phẩm	51,5	51,5
Công ty Cổ phần Bê Tông Thái Hà	Hà Nam	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	99,9	99,9
Công ty con gián tiếp				
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Cơ khí Chế tạo và Bê tông FECON Nghi Sơn	Thanh Hóa	Sản xuất và bán cấu kiện bê tông đúc sẵn	51,5	51,5

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Cụm Công nghiệp Thi Sơn, Xã Thi Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hà Thế Phương	Chủ tịch	
Ông Phan Khắc Long	Phó Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Hà Thế Lộng	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Trần Vũ Anh Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Đoàn Hùng Dũng	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Trần Công Tráng	Thành viên độc lập	bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Nguyễn Chí Công	Thành viên	miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Phạm Trung Thành	Thành viên	miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Ngô Mạnh Quân	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Anh	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Nghiên	Trưởng Ban	miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Bà Hà Thị Mỹ Quyên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Lan Hương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019
Ông Nguyễn Mạnh Quân	Thành viên	miễn nhiệm ngày 15 tháng 2 năm 2019

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Trung Thành	Giám đốc	tái bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2019
Ông Lương Anh Kiên	Phó Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2020
Ông Lê Quang Trung	Phó Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2019
Ông Cao Văn Thái	Phó Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phạm Trung Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng Sản FECON ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

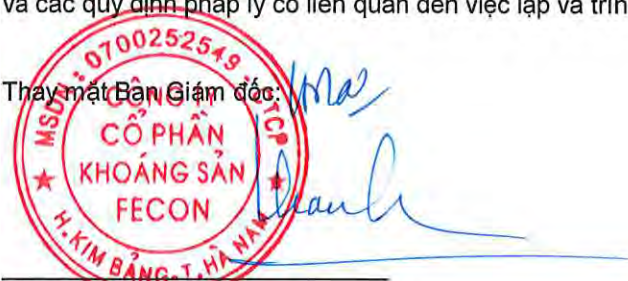
Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Phạm Trung Thành
Giám đốc

Hà Nam, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Số tham chiếu: 61519132/21258988-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Khoáng Sản FECON

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng Sản FECON ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được một doanh nghiệp khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 24 tháng 1 năm 2019.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Phạm Thị Cẩm Tú
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2266-2018-004-1



Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2815-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã phân loại lại - Thuyết minh số 32)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		694.676.994.124	711.161.643.645
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	78.791.224.680	30.000.382.958
111	1. Tiền		74.791.224.680	21.000.382.958
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	9.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		5.000.000.000	5.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	5.000.000.000	5.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		379.611.026.158	384.953.581.126
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	372.259.253.980	362.286.841.859
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	15.490.633.679	26.171.592.168
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	9	3.651.762.688	4.521.868.428
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(11.790.624.189)	(8.026.721.329)
140	IV. Hàng tồn kho	10	215.275.643.874	277.302.441.227
141	1. Hàng tồn kho		221.379.107.820	277.302.441.227
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(6.103.463.946)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		15.999.099.412	13.905.238.334
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	15.885.749.057	13.515.226.214
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		113.350.355	390.012.120
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		211.228.745.989	223.807.681.436
210	I. Khoản phải thu dài hạn	9	2.565.548.398	3.051.967.978
216	1. Phải thu dài hạn khác		2.565.548.398	3.051.967.978
220	II. Tài sản cố định		185.669.436.942	217.541.591.169
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	180.409.202.446	202.284.649.449
222	Nguyên giá		513.527.384.838	492.548.006.650
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(333.118.182.392)	(290.263.357.201)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	12	-	9.786.271.646
225	Nguyên giá		-	18.311.216.561
226	Giá trị khấu hao lũy kế		-	(8.524.944.915)
227	3. Tài sản cố định vô hình	13	5.260.234.496	5.470.670.074
228	Nguyên giá		7.153.776.109	7.153.776.109
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.893.541.613)	(1.683.106.035)
230	III. Bất động sản đầu tư		864.700.000	-
231	1. Nguyên giá		864.700.000	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		20.142.385.386	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		20.142.385.386	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.890.800.263	3.103.622.289
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	1.890.800.263	3.103.622.289
269	VI. Lợi thế thương mại		95.875.000	110.500.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		905.905.740.113	934.969.325.081

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		336.384.762.153	386.950.415.069
310	I. Nợ ngắn hạn		335.523.162.153	381.420.431.925
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	98.565.034.285	99.563.347.955
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	5.197.230.625	22.942.265.058
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	4.823.325.248	11.308.133.452
314	4. Phải trả người lao động		8.571.310.022	9.721.140.813
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.998.376.410	334.862.279
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	56.659.974
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.005.663.544	947.407.127
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	210.826.104.690	236.546.615.267
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.536.117.329	-
330	II. Nợ dài hạn		861.600.000	5.529.983.144
337	1. Phải trả dài hạn khác		282.000.000	311.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	579.600.000	5.218.983.144
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		569.520.977.960	548.018.910.012
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	569.520.977.960	548.018.910.012
411	1. Vốn cổ phần		410.000.000.000	410.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		410.000.000.000	410.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(1.873.645.455)	(1.873.645.455)
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		946.684.088	946.684.088
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		21.847.289.552	16.340.424.976
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		82.856.383.766	71.418.023.744
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		41.005.667.501	35.363.533.384
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm		41.850.716.265	36.054.490.360
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		55.744.266.009	51.187.422.659
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		905.905.740.119	934.969.325.081

Ngô Thị Thanh
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

Phạm Trung Thành
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã phân loại lại - Thuyết minh số 32)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	750.844.106.558	886.132.002.365
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	(300.159.727)	(1.945.309.977)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	750.543.946.831	884.186.692.388
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(648.448.787.850)	(764.615.779.221)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		102.095.158.981	119.570.913.167
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		690.878.462	544.575.297
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	25	(16.625.377.858) (16.349.842.933)	(24.164.050.778) (19.439.309.659)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(3.684.688.993)	(3.724.667.733)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(26.392.267.613)	(36.276.377.895)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		56.083.702.979	55.950.392.058
31	11. Thu nhập khác	27	2.701.873.133	3.566.147.428
32	12. Chi phí khác	27	(1.198.181.478)	(11.348.696.295)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	27	1.503.691.655	(7.782.548.867)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		57.587.394.634	48.167.843.191
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(10.143.835.018)	(13.208.542.607)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	1.753.129.925
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		47.443.559.616	36.712.430.509
61	18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		42.906.716.265	36.956.490.360
62	19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.1	4.536.843.351	(244.059.851)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22		812
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22		812

Ngô Thị Thanh
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

Phạm Trung Thành
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Đã phân loại lại - Thuyết minh số 32)
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		57.587.394.634	48.167.843.191
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12, 13	34.455.946.268	37.914.874.094
03	Dự phòng		9.867.366.806	7.556.851.812
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(15.236.178)
05	(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư		(690.878.462)	14.455.908.359
06	Chi phí lãi vay		16.349.842.933	19.439.309.659
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		117.569.672.179	127.519.550.937
09	Tăng các khoản phải thu		(2.658.266.547)	(70.975.015.106)
10	Giảm hàng tồn kho		55.923.333.407	12.416.677.200
11	Tăng các khoản phải trả		25.689.569.133	25.743.030.629
12	Giảm chi phí trả trước		(1.157.700.817)	(1.212.793.982)
14	Tiền vay đã trả		(13.921.121.300)	(19.836.268.320)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(16.883.039.007)	(8.472.072.701)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.374.236.110)	(6.556.491.951)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		163.188.210.938	58.626.616.706
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(1.648.353.957)	(7.959.134.697)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	724.545.455
23	Tiền mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(5.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		5.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(67.580.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	17.000.978.279
27	Thu lãi tiền gửi		690.878.462	484.365.470
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(63.537.475.495)	5.250.754.507
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	20	409.564.570.528	603.106.790.221
34	Tiền trả nợ gốc vay	20	(437.657.801.105)	(636.271.778.366)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	20	(2.266.663.144)	(3.502.991.408)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	21.3	(20.500.000.000)	(20.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(50.859.893.721)	(57.167.979.553)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		48.790.841.722	6.709.391.660
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		30.000.382.958	23.273.098.004
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	17.893.294
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	78.791.224.680	30.000.382.958



Ngô Thị Thanh
Người lập



Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng




Phạm Trung Thành
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng Sản FECON ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0700252549 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp vào ngày 3 tháng 9 năm 2007 và theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 7 ngày 6 tháng 1 năm 2015.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCK HCM") với mã FCM theo Quyết định số 54/2013/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 5 năm 2013.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và cung cấp cọc bê tông ly tâm dự ứng lực, sản xuất và mua bán vật liệu xây dựng và cấu kiện bê tông đúc sẵn.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Cụm Công nghiệp Thi Sơn, Xã Thi Sơn, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 310 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 290 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	
			Tỷ lệ sở hữu	Quyền biểu quyết
			%	%
Công ty con trực tiếp				
Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn	Thanh Hóa	Sản xuất bê tông thành phẩm	51,5	51,5
Công ty Cổ phần Bê Tông Thái Hà	Hà Nam	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	99,9	99,9
Công ty con gián tiếp				
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Cơ khí Chế tạo và Bê tông FECON Nghi Sơn	Thanh Hóa	Sản xuất và bán cấu kiện bê tông đúc sẵn	51,5	51,5

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Nhóm công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại, và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- chi phí nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí chung có liên quan đến công trình.
- Thành phẩm và chi phí xây dựng công trình dở dang

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và chi phí các công trình dở dang thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	4 – 15 năm
Phương tiện vận tải	3 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
Phần mềm máy tính	3 – 9 năm

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Nhóm Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí bảo hiểm;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định; và
- ▶ Chi phí vận chuyển.

3.11 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 Mua tài sản

Nhóm Công ty mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Nhóm Công ty sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3.13 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các khoản dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận các khoản dự phòng khi có một nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính một cách đáng tin cậy.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, theo đó, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho các năm hiện hành và năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Giao dịch mua tài sản nhận chuyển nhượng cổ phần trong Công ty Cổ phần Bê tông Thái Hà ("Thái Hà")

Vào ngày 10 tháng 10 năm 2019, Nhóm Công ty đã hoàn tất việc mua 99,9% cổ phần trong Thái Hà với tổng giá mua là 67.580.000.000 VND theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 092901/2019/NQ-HĐQTFCM ngày 29 tháng 9 năm 2019. Theo đó, Thái Hà trở thành công ty con của Công ty kể từ ngày này. Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Bê tông Thái Hà là sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.

Ban Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng chi phí mua thể hiện giá trị hợp lý của quyền phát triển dự án sở hữu bởi Thái Hà. Ban Giám đốc tin tưởng rằng bản chất của nghiệp vụ mua này là nghiệp vụ mua tài sản - là quyền thuê đất, xây dựng và phát triển nhà máy sản xuất bê tông, và không là nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh vì tại ngày mua, công ty này chưa đi vào hoạt động kinh doanh và chỉ có quyền phát triển dự án như trên.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	462.102.273	1.420.812.833
Tiền gửi ngân hàng	74.329.122.407	19.579.570.125
Khoản tương đương tiền (*)	4.000.000.000	9.000.000.000
TỔNG CỘNG	78.791.224.680	30.000.382.958

(*) Khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam có kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng. Khoản tương đương tiền này được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng thương mại này (Thuyết minh số 20.1).

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất hưởng lãi suất tiền gửi áp dụng. Khoản đầu tư này được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại chính ngân hàng thương mại này (Thuyết minh số 20.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng khác	199.238.065.891	151.770.071.256
- Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Hiệu Thắng	31.253.710.745	24.111.744.992
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Bảo Phúc	23.068.900.900	3.061.424.600
- Công ty Cổ phần Viễn Thông và Đầu tư Xây Dựng Bình Sơn	12.653.100.210	11.524.037.050
- Công ty Cổ phần Xây dựng Nền móng Hải Đăng	12.622.453.900	8.161.740.500
- Khác	119.639.900.136	104.911.124.114
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	<u>173.021.188.089</u>	<u>210.516.770.603</u>
TỔNG CỘNG	372.259.253.980	362.286.841.859
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(11.790.624.189)</u>	<u>(8.026.721.329)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	360.468.629.791	354.260.120.530

Một số khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam ("VIB") – Trung tâm Kinh doanh (Thuyết minh số 20.1).

Tình hình (tăng) giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(8.026.721.331)	(469.869.517)
Dự phòng trích lập trong kỳ	(9.460.413.712)	(8.458.311.826)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	5.696.510.854	901.460.014
Số cuối năm	<u>(11.790.624.189)</u>	<u>(8.026.721.329)</u>

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 30)	13.567.587.813	24.395.603.813
Các bên khác	1.923.045.866	1.775.988.355
- Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Thế Giới Mới	591.000.000	591.000.000
- Khác	1.332.045.866	1.184.988.355
TỔNG CỘNG	15.490.633.679	26.171.592.168

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm (Đã phân loại lại - Thuyết minh số 32)
Ngắn hạn		
Phải thu liên quan đến khoản góp vốn thừa vào Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	1.684.500.000	1.684.500.000
Tạm ứng cho nhân viên	1.928.460.380	2.183.331.672
Các khoản khác	38.802.308	654.036.756
TỔNG CỘNG	<u>3.651.762.688</u>	<u>4.521.868.428</u>
Dài hạn		
Phải thu do san lấp mặt bằng (*)	2.518.051.966	2.518.051.966
Kỳ quỹ, ký cược dài hạn	47.496.432	533.916.012
TỔNG CỘNG	<u>2.565.548.398</u>	<u>3.051.967.978</u>

(*) Đây là chi phí san lấp mặt bằng cho 5.170 m² đất tại cụm Công nghiệp Thi Sơn, xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam để xây dựng Khu thương mại dịch vụ. Tuy nhiên, Nhóm Công ty đã xin trả lại Nhà nước do không còn nhu cầu sử dụng và đã được chấp thuận theo Quyết định số 1556/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Nam về việc thu hồi khu đất trên.

10. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	170.620.108.469	174.292.648.969
Nguyên liệu, vật liệu	32.038.409.667	50.031.509.339
Công cụ, dụng cụ	9.048.505.187	9.634.446.605
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.600.985.070	34.431.905.748
Hàng hóa	3.071.099.427	8.911.930.566
TỔNG CỘNG	<u>221.379.107.820</u>	<u>277.302.441.227</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.103.463.946)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>215.275.643.874</u>	<u>277.302.441.227</u>

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quân lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	160.411.467.608	259.291.462.196	71.114.253.792	440.076.228	1.290.746.826	492.548.006.650
Mua mới	-	2.056.303.957	-	227.857.454	-	2.284.161.411
Mua lại tài sản cố định thuế tài chính	-	8.616.152.924	9.709.063.637	-	-	18.325.216.561
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	370.000.216	-	-	-	-	370.000.216
Số cuối năm	160.781.467.824	269.963.919.077	80.823.317.429	667.933.682	1.290.746.826	513.527.384.838
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	5.651.570.320	68.298.490.591	19.896.464.943	330.060.228	1.078.285.176	95.254.871.258
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	(75.536.167.345)	(168.807.092.790)	(44.314.520.628)	(370.104.988)	(1.235.471.450)	(290.263.357.201)
Khấu hao trong năm	(11.597.253.378)	(15.851.908.504)	(5.922.694.022)	(21.603.740)	(44.129.068)	(33.437.588.712)
Mua lại tài sản cố định thuế tài chính	-	(3.132.129.978)	(6.285.106.501)	-	-	(9.417.236.479)
Số cuối năm	(87.133.420.723)	(187.791.131.272)	(56.522.321.151)	(391.708.728)	(1.279.600.518)	(333.118.182.392)
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	84.875.300.263	90.484.369.406	26.799.733.164	69.971.240	55.275.376	202.284.649.449
Số cuối năm	73.648.047.101	82.172.787.805	24.300.996.278	276.224.954	11.146.308	180.409.202.446
Trong đó:						
Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 20)	55.259.639.585	102.039.973.694	40.744.986.197	-	59.156.714	198.103.756.190

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND
	<i>Phương tiện vận tải</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	18.311.216.561
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	<u>(18.311.216.561)</u>
Số cuối năm	<u>-</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Số đầu năm	(8.524.944.915)
Khấu hao trong năm	(807.921.978)
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	<u>9.332.866.893</u>
Số cuối năm	<u>-</u>
Giá trị còn lại:	
Số đầu năm	<u>9.786.271.646</u>
Số cuối năm	<u>-</u>

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	<u>6.722.430.109</u>	<u>431.346.000</u>	<u>7.153.776.109</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	273.346.000	273.346.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	(1.332.734.021)	(350.372.014)	(1.683.106.035)
Hao mòn trong năm	<u>(171.768.902)</u>	<u>(38.666.676)</u>	<u>(210.435.578)</u>
Số cuối năm	<u>(1.504.502.923)</u>	<u>(389.038.690)</u>	<u>(1.893.541.613)</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>5.389.696.088</u>	<u>80.973.986</u>	<u>5.470.670.074</u>
Số cuối năm	<u>5.217.927.186</u>	<u>42.307.310</u>	<u>5.260.234.496</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi phí vận chuyển	15.282.144.082	12.001.465.233
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	152.815.031	1.026.800.929
Khác	450.789.944	486.960.052
TỔNG CỘNG	15.885.749.057	13.515.226.214
Dài hạn		
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.081.429.771	2.221.297.941
Khác	809.370.492	882.324.348
TỔNG CỘNG	1.890.800.263	3.103.622.289

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	98.565.034.285	98.053.017.139
- Công ty TNHH Trường Hải	37.680.906.803	26.060.429.317
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Thanh Hóa	3.767.860.565	4.350.996.209
- Công ty TNHH Cơ khí Thành Long	3.167.957.019	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Việt Xó	2.608.485.812	5.011.739.032
- Khác	51.339.824.086	62.629.852.581
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	-	1.510.330.816
TỔNG CỘNG	98.565.034.285	99.563.347.955

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	3.197.230.625	22.942.265.058
- Công ty Cổ phần Cơ khí Thương mại Đại Dũng	700.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Lạc Hồng Phúc	-	10.150.000.000
- Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	-	2.145.000.000
- Khác	2.497.230.625	10.647.265.058
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 30)	2.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	5.197.230.625	22.942.265.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.330.615.608	10.320.740.646	(16.883.039.007)	768.317.247
Thuế giá trị gia tăng	3.670.962.012	88.112.007.327	(88.190.478.430)	3.592.490.909
Thuế thu nhập cá nhân	306.181.432	1.240.124.305	(1.084.163.045)	462.142.692
Khác	374.400	2.246.400	(2.246.400)	374.400
TỔNG CỘNG	<u>11.308.133.452</u>	<u>99.675.118.678</u>	<u>(106.159.926.882)</u>	<u>4.823.325.248</u>

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	301.328.569	334.862.279
Khác	3.697.047.841	-
TỔNG CỘNG	<u>3.998.376.410</u>	<u>334.862.279</u>

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	509.494.861	557.545.543
Khác	496.168.683	389.861.584
TỔNG CỘNG	<u>1.005.663.544</u>	<u>947.407.127</u>

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Phân loại dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
Ngắn hạn					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.1)	236.546.615.267	409.404.570.528	(436.531.431.105)	-	209.419.754.690
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 20.2)	-	160.000.000	-	1.246.350.000	1.246.350.000
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 30)	-	-	-	-	160.000.000
	<u>236.546.615.267</u>	<u>409.564.570.528</u>	<u>(436.531.431.105)</u>	<u>1.246.350.000</u>	<u>210.826.104.690</u>
Dài hạn					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 20.2)	2.952.320.000	-	(1.126.370.000)	(1.246.350.000)	579.600.000
Nợ thuế tài chính	2.266.663.144	-	(2.266.663.144)	-	-
	<u>5.218.983.144</u>	<u>-</u>	<u>(3.393.033.144)</u>	<u>(1.246.350.000)</u>	<u>579.600.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>241.765.598.411</u>	<u>409.564.570.528</u>	<u>(439.924.464.249)</u>	<u>-</u>	<u>211.405.704.690</u>

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Ngân hàng	Số cuối năm	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hà Nam	VND 99.100.802.519	Ngày 24 tháng 7 năm 2020	7%	Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại VCB Hoàn Kiếm; 5 xe ô tô đầu từ vốn vay; Nhà xưởng, dây chuyền gia công mặt bích và khuôn sản xuất cọc; Dây chuyền sản xuất cát nhân tạo	Tại trợ vốn lưu động
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Nghi Sơn	14.013.139.519	Ngày 16 tháng 6 năm 2020	8,5%	Tài khoản tiền gửi tại VCB	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (“VCB”) – Chi nhánh Hoàn Kiếm	6.669.509.464	Ngày 26 tháng 5 năm 2020	7,3%	Tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tại VCB Hoàn Kiếm; 5 xe ô tô đầu kéo rơ-mooc; Động sản phát sinh từ vốn vay; Nhà xưởng, dây gia công mặt bích và khuôn sản xuất cọc; Dây chuyền sản xuất cát nhân tạo	

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn (tiếp theo)

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội ("MB") – Chi nhánh Hà Nam	23.979.230.078	Ngày 21 tháng 6 năm 2020	7%	Máy móc thiết bị; Tiền ký quỹ tại MB; Quyền phải thu, đòi nợ phát sinh theo hợp đồng đầu ra cụ thể có tài khoản thanh toán duy nhất tại MB	Tài trợ vốn lưu động
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội ("MB") – Chi nhánh Thanh Hóa	20.344.539.153	Ngày 29 tháng 5 năm 2020	7,7%	Máy móc thiết bị; Quyền phải thu, đòi nợ phát sinh theo hợp đồng đầu ra cụ thể có tài khoản thanh toán duy nhất tại MB	Tài trợ vốn lưu động
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam ("VIB") – Trung tâm Kinh doanh	32.729.638.735	Ngày 14 tháng 9 năm 2020	7%	Quyền phải thu, đòi nợ phát sinh theo hợp đồng đầu ra cụ thể có tài khoản thanh toán duy nhất tại VIB	Tài trợ vốn lưu động
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam ("VTB") – Chi nhánh Hà Nam	12.582.895.222	Ngày 29 tháng 6 năm 2020	7,2% - 7,5%	Máy móc và thiết bị	Tài trợ vốn lưu động
TỔNG CỘNG	209.419.754.690				

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

20.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo	Mục đích
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội ("MB") – Chi nhánh Hà Nam					
Khoản vay 1	882.000.000	Ngày 10 tháng 7 năm 2019 đến ngày 28 tháng 6 năm 2023	10,2%	Tài sản hình thành từ vốn vay là 5 xe cơ-móc	Tài trợ vốn lưu động
Khoản vay 2	644.000.000	Ngày 10 tháng 9 năm 2019 đến ngày 29 tháng 12 năm 2020	10,2%	Phương tiện vận tải	
Khoản vay 3	299.950.000	Ngày 29 tháng 12 năm 2020 đến ngày 14 tháng 2 năm 2021	10,4%	Phương tiện vận tải	
TỔNG CỘNG	<u>1.825.950.000</u>				

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả 1.246.350.000
Vay dài hạn 579.600.000

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước							
Số đầu năm	410.000.000.000	(1.873.645.455)	946.684.088	13.313.197.939	59.039.248.579	86.499.216.124	567.924.701.275
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	36.956.490.360	(244.059.851)	36.712.430.509
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(20.500.000.000)	-	(20.500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.027.227.037	(3.027.227.037)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(5.146.285.962)	-	(5.146.285.962)
Thanh lý công ty con	-	-	-	-	5.074.846.250	(35.052.620.028)	(29.977.773.778)
Thù lao Hội đồng	-	-	-	-	-	-	-
Quản trị và	-	-	-	-	(963.000.000)	-	(963.000.000)
Ban Giám đốc	-	-	-	-	(16.048.446)	(15.113.586)	(31.162.032)
Giám khác	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối năm	410.000.000.000	(1.873.645.455)	946.684.088	16.340.424.976	71.418.023.744	51.187.422.659	548.018.910.012

VND

Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm nay							
Số đầu năm	410.000.000.000	(1.873.645.455)	946.684.088	16.340.424.976	71.418.023.744	51.187.422.659	548.018.910.012
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	42.906.716.265	4.536.843.350	47.443.559.615
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(20.500.000.000)	-	(20.500.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	5.506.864.576	(5.506.864.576)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.671.243.050)	-	(3.671.243.050)
Thù lao Hội đồng	-	-	-	-	-	-	-
Quản trị và Ban Giám đốc	-	-	-	-	(1.790.248.617)	-	(1.790.248.617)
Tặng khác	-	-	-	-	-	20.000.000	20.000.000
Số cuối năm	410.000.000.000	(1.873.645.455)	946.684.088	21.847.289.552	82.856.383.766	55.744.266.009	569.520.977.960

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm và số đầu năm		
	Số cổ phần	Giá trị (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ	20.910.000	209.100.000.000	51%
Công ty Cổ phần FECON	4.491.494	44.914.940.000	11%
Cổ đông khác	15.598.506	155.985.060.000	38%
TỔNG CỘNG	41.000.000	410.000.000.000	100%

21.3 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và phân phối cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp		
Số đầu năm và số cuối năm	<u>410.000.000.000</u>	<u>410.000.000.000</u>
Cổ tức		
Cổ tức công bố (*)	20.500.000.000	20.500.000.000
Cổ tức đã trả bằng tiền	20.500.000.000	20.500.000.000
(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 0215/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 2 năm 2019, các cổ đông của Công ty đã thông qua mức chi trả cổ tức bằng tiền mặt tương đương với 5% vốn điều lệ.		

21.4 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phần	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	41.000.000	41.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	41.000.000	41.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41.000.000</i>	<i>41.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.000.000	41.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41.000.000</i>	<i>41.000.000</i>

21.5 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn điều lệ đã góp	48.500.000.000	48.500.000.000
Quỹ khác	905.248.743	885.248.743
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.339.017.266	1.802.173.916
TỔNG CỘNG	55.744.266.009	51.187.422.659

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông phổ thông (VND)	42.872.296.986	36.956.490.360
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.287.229.699)	(3.671.243.050)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	38.585.067.287	33.285.247.310
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	41.000.000	41.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	941	812

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0215/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 2 năm 2019.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi tạm tính với tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Số 0215/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 2 năm 2019.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

23. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	VND Năm trước
Doanh thu:	750.844.106.558	886.132.002.365
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	687.185.253.984	775.424.589.104
Doanh thu bán hàng hóa	35.061.932.500	84.591.160.484
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.596.920.074	26.116.252.777
Trừ:	(300.159.727)	(1.945.309.977)
Hàng bán bị trả lại	(300.159.727)	(1.945.309.977)
TỔNG CỘNG	750.543.946.831	884.186.692.388
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với các bên khác	488.667.706.365	372.628.133.364
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	261.876.240.466	511.558.559.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Đã phân loại lại - Thuyết minh số 32)
Giá vốn thành phẩm	585.102.177.758	639.325.340.856
Giá vốn hàng hóa	35.154.013.612	99.157.125.915
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	28.192.596.480	26.133.312.450
TỔNG CỘNG	<u>648.448.787.850</u>	<u>764.615.779.221</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	16.349.842.933	19.439.309.659
Lỗ chênh lệch tỷ giá	273.701.094	97.903.696
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư	-	4.625.610.426
Khác	1.833.831	1.226.997
TỔNG CỘNG	<u>16.625.377.858</u>	<u>24.164.050.778</u>

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Đã phân loại lại - Thuyết minh số 32)
Chi phí bán hàng	3.684.688.993	3.724.667.733
Chi phí nhân viên	2.256.299.512	1.624.742.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	349.427.178	437.721.525
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	110.567.912	727.739.457
Chi phí khác	968.394.391	934.464.056
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26.392.267.613	36.276.377.895
Chi phí nhân viên quản lý	14.225.304.746	16.874.756.102
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.763.902.858	7.556.851.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.078.186.379	2.804.887.095
Chi phí khấu hao	1.112.157.566	2.804.008.857
Chi phí đồ dùng văn phòng	453.612.117	1.416.699.508
Chi phí vật liệu quản lý	343.758.235	449.392.048
Chi phí khác	4.415.345.712	4.369.782.473
TỔNG CỘNG	<u>30.076.956.606</u>	<u>40.001.045.628</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	2.701.873.133	3.566.147.428
Lãi từ thanh lý vật tư, công cụ dụng cụ	1.636.856.905	2.698.518.826
Chênh lệch thừa kiểm kê	1.020.681.768	143.083.147
Khác	44.334.460	724.545.455
Chi phí khác	1.198.181.478	11.348.696.295
Thanh lý, xóa sổ tài sản	-	11.039.208.858
Các khoản phạt	880.354.497	-
Khác	317.826.981	309.487.437
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN	<u>1.503.691.655</u>	<u>(7.782.548.867)</u>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	420.889.845.325	544.093.618.055
Chi phí nhân công	75.152.165.375	76.291.819.074
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.166.167.357	93.258.431.201
Chi phí khấu hao	34.455.946.268	37.914.874.094
Chi phí dự phòng	9.867.366.804	7.556.851.812
Chi phí bằng tiền khác	8.776.923.066	7.705.423.685
TỔNG CỘNG	<u>620.308.414.195</u>	<u>766.821.017.921</u>

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con như sau:

- Thuế suất TNDN cho Công ty Cổ phần FECON Mining là 20 % thu nhập chịu thuế.
- Thuế suất TNDN cho Công ty Cổ phần FECON Nghi Sơn là 20 % thu nhập chịu thuế.
- Thuế suất TNDN cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Cơ khí Chế tạo và Bê tông FECON Nghi Sơn ("FCNS") là 5 % thu nhập chịu thuế. FCNS được miễn thuế TNDN trong năm (5) năm kể từ năm đầu tiên thành lập, giảm 50% thuế TNDN trong năm (5) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	57.587.394.634	48.167.843.191
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Nhóm Công ty	9.942.603.134	14.067.749.383
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí không được trừ thuế	76.848.713	60.913.584
Lỗi không ghi nhận thuế TNDN hoãn lại của công ty con	124.383.171	-
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(920.120.360)
Chi phí thuế TNDN	10.143.835.018	(13.208.542.607)

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, Nhóm Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Nhóm Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

			VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần FECON	Cổ đông lớn	Bán thành phẩm	219.582.995.246	494.220.626.024
		Cung cấp dịch vụ	-	1.658.079.799
		Lua nguyên vật liệu	10.256.330.676	140.115.443.047

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm: (tiếp theo)

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ	Công ty mẹ	Bán thành phẩm	24.995.493.000	7.824.618.000	
Công ty Cổ phần Thi công Cọc FECON Số 1	Đồng chủ sở hữu	Bán thành phẩm	11.299.186.220	-	
Công ty Cổ phần Thi công cọc và Xây dựng FECON	Đồng chủ sở hữu	Bán thành phẩm	5.998.566.000	-	
Công ty Cổ phần FECON SOUTH	Đồng chủ sở hữu	Bán thành phẩm	-	9.513.315.000	
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	Đồng chủ sở hữu	Mua nguyên vật liệu	260.611.450	456.710.642	

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>					
Công ty Cổ phần FECON	Cổ đông lớn	Bán thành phẩm	134.085.476.650	186.838.066.937	
Công ty Cổ phần Thi công Cọc FECON Số 1	Đồng chủ sở hữu	Bán thành phẩm	13.212.725.482	-	
Công ty Cổ phần Khoán sản FECON Hải Đăng	Đồng chủ sở hữu	Thuê xe, bán đá	12.467.698.431	12.467.698.431	
Công ty Cổ phần Thi công cọc và Xây dựng FECON	Đồng chủ sở hữu	Bán thành phẩm	5.024.954.260	-	
Công ty cổ phần FECON SOUTH	Đồng chủ sở hữu	Bán thành phẩm	3.418.858.487	9.560.439.856	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phan Vũ	Công ty mẹ	Bán thành phẩm	3.160.909.400	-	
Công ty Cổ phần Hạ tầng FECON	Đồng chủ sở hữu	Bán thành phẩm	1.650.565.379	1.650.565.379	
			173.021.188.089	210.516.770.603	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

					VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>		<i>Năm trước</i>	
Trả trước cho người bán ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	Đồng chủ sở hữu	Mua nguyên vật liệu	13.567.587.813		14.539.603.813	
Công ty Cổ phần FECON	Cổ đông lớn	Mua thành phẩm	-		9.856.000.000	
			<u>13.567.587.813</u>		<u>24.395.603.813</u>	
Phải thu khác của khách hàng						
Công ty Cổ phần Khoáng sản FECON Hải Đăng	Đồng chủ sở hữu	Góp vốn thừa	1.684.500.000		1.684.500.000	
Phải trả người bán ngắn hạn						
Công ty Cổ phần FECON	Cổ đông lớn	Mua nguyên vật liệu	-		1.510.330.816	
Người mua trả tiền trước						
Công ty Cổ phần Hạ tầng và Phát triển Đô thị FECON	Đồng chủ sở hữu	Bán thành phẩm	2.000.000.000		-	
Vay						
Ông Phạm Trung Thành	Cá nhân	Vay	160.000.000		-	
Các giao dịch với các bên liên quan khác						
Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát như sau:						
					VND	
			<i>Năm nay</i>		<i>Năm trước</i>	
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc			<u>1.790.248.610</u>		<u>1.692.745.660</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	6.350.400.000	190.252.800
Từ 1 đến 5 năm	23.207.212.800	951.264.000
Trên 5 năm	96.743.548.800	6.468.595.200
TỔNG CỘNG	126.301.161.600	7.610.112.000

32. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một vài dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của năm nay.

	VND		
	Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	Số đầu năm (được trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Phải thu ngắn hạn khác	7.039.920.394	(2.518.051.966)	4.521.868.428
Phải thu dài hạn khác	533.916.012	2.518.051.966	3.051.967.978
	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	Năm trước (Được trình bày lại)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(763.389.559.873)	(1.226.219.348)	(764.615.779.221)
Chi phí bán hàng	(4.950.887.081)	1.226.219.348	(3.724.667.733)

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.





Ngô Thị Thanh
Người lập

Nguyễn Thị Thanh Vân
Kế toán trưởng

Phạm Trung Thành
Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2020

Số: /2020/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nam, ngày thángnăm 2020

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

- Căn cứ luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần khoáng sản FECON;
- Căn cứ các tờ trình của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần khoáng sản FECON ngày 12/6/2020;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thông qua các báo cáo sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2019 sau khi hợp nhất của Công ty như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Kết quả	Tỷ lệ đạt được
1	Doanh thu hợp nhất	750.000	750.543	100%
2	Lợi nhuận sau thuế	35.000/45.000	47.443	135%/105%

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2020:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410.000	410.000
2	Doanh thu	Tỷ	750.543	880.000
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	47.443	48.000
4	Cổ tức (% vốn điều lệ)	%	5	5

Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2020:

- Đầu tư xây dựng nhà máy bê tông Thái Hà và cảng Thủy nội địa khoáng sản FECON.
- Đề xuất đầu tư thêm thiết bị phục vụ sản xuất tại Công ty CP khoáng sản FECON: 15 tỷ đồng.

2. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019

3. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị độc lập năm 2019

4. Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ năm 2019

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của FCM và Hợp nhất: chi tiết đăng tại website <http://www.feconmining.com.vn/>; và trang website chính thức của Ủy ban chứng khoán nhà nước, sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2019 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	Đồng	803.459.982.295	905.905.740.113
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	506.205.334.255	569.520.977.960
3	Doanh thu thuần	Đồng	591.992.625.913	750.543.946.831
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	38.104.493.556	47.443.559.616
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	-	941

Điều 3: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận 2019:**1. Phân phối lợi nhuận năm 2019**

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Lũy kế lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm trước	41.005.667.501	-
Lợi nhuận sau thuế năm 2019	47.443.559.616	-
Phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2019	11.860.889.904	25%
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>4.744.355.962</i>	<i>15%</i>
<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>7.116.533.942</i>	<i>10%</i>
Thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2019	979.000.000	-
Thưởng Ban điều hành năm 2019	948.871.000	2%
Chia cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt	20.500.000.000	5% (VĐL)

2. Thưởng ban điều hành năm 2019: 2% lợi nhuận sau thuế tương ứng với: 948.871.000 đồng (Chín trăm bốn mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi một nghìn đồng) và giao cho Giám đốc công ty căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty để thực hiện.

3. Chia cổ tức năm 2019: bằng tiền tương ứng 5% vốn điều lệ và ủy quyền cho Giám đốc căn cứ tình hình thực tiễn để thực hiện chi trả cho phù hợp.

Điều 4: Thông qua Kế hoạch hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020:**1. Kế hoạch hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2020:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020
1	Vốn điều lệ	Tỷ	410	410
2	Doanh thu	Tỷ	750,5	800
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ	47,4	48

00252
CỘNG
CỔ PH
HOẢNG
FEC
T/M BẢNG

(Trong trường hợp dịch bệnh tác động, ảnh hưởng xấu tới tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh thì chỉ tiêu kế hoạch doanh thu hợp nhất và lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2020 điều chỉnh giảm tối đa không quá 10% so với kế hoạch trên).

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	15% Lợi nhuận sau thuế
Trích quỹ đầu tư phát triển	10% Lợi nhuận sau thuế
Thưởng HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	0,6% Lợi nhuận sau thuế
Thưởng Ban điều hành	2% Lợi nhuận sau thuế
Cổ tức bằng tiền	5% Vốn điều lệ

Điều 5: Thông qua quyết toán thù lao HĐQT, BKS và thư ký HĐQT năm 2019 và Kế hoạch phân phối thù lao HĐQT, BKS, thư ký HĐQT năm 2020:

1. Quyết toán thù lao hội đồng quản trị và ban kiểm soát và thư ký HĐQT năm 2019

Mức phân phối thù lao năm 2019 của HĐQT và BKS là: 979.000.000 VNĐ (Chín trăm bảy mươi chín triệu đồng chẵn).

2. Kế hoạch phân phối thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT 2020:

STT	Chức vụ/ vị trí	Số lượng (Người)	Từ tháng 01/2020-05/2020		Từ tháng 6/2020-12/2020		Tổng
			Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao 5 tháng (VNĐ)	Mức thù lao 1 tháng (VNĐ)	Thù lao 7 tháng (VNĐ)	
1	Chủ tịch HĐQT	1	25.000.000	125.000.000	12.500.000	87.500.000	212.500.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	50.000.000	5.000.000	35.000.000	85.000.000
3	Thành viên HĐQT	3	8.000.000	120.000.000	4.000.000	84.000.000	204.000.000
4	Trưởng ban kiểm soát	1	8.000.000	40.000.000	4.000.000	28.000.000	68.000.000
5	Thành viên ban kiểm soát	2	5.000.000	50.000.000	2.500.000	35.000.000	85.000.000
6	Thư ký HĐQT	1	5.000.000	25.000.000	2.500.000	17.500.000	42.500.000
Tổng cộng				410.000.000		287.000.000	697.000.000

- Ủy quyền Giám đốc công ty chọn thời điểm phân bổ thù lao Hội đồng quản trị và quyết định hoạch toán các khoản tiền trên phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi nhất cho công ty.

Điều 6: Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020:

- i. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- ii. Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam (CPA Việt Nam);
- iii. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)
- iv. Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam (AVA);

Công ty chọn 01 (một) công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán/ soát xét báo cáo tài chính của công ty trong danh sách 04 (bốn) công ty kiểm toán trên.

Trong trường hợp không thống nhất được với những công ty kiểm toán trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho hội đồng quản trị lựa chọn trong số các công ty kiểm toán còn lại trong danh sách công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận của ủy ban chứng khoán nhà nước để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 và soát xét báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên năm 2020 (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước).

Điều 7: Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông giao hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thành công Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX (báo cáo)
- TT.HĐQT; BDH (T/hiện); BKS (g/sát)
- Các cổ đông;
- Lưu VP.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



Hà Thế Phương